

# SỚ KINH NHÂN VƯƠNG HỘ QUỐC BÁT NHÃ

## QUYỂN 5

Từ câu: “Thời, chư đại chúng...” là phần thứ ba biện về đại chúng được lợi ích. Văn có ba phần: 1. Cõi trời và ba thú đắc ích. 2. Bộ đắc ích. 3. Đắc đạo lâu, mau khác nhau. Trong phần một là nói về vô sinh nhân nghĩa là: Thông giáo thì từ địa thứ ba trở lên. Biệt giáo thì từ sơ địa trở lên. Viên giáo thì từ sơ trụ trở lên.

Hỏi: Sao ác đạo cũng đắc vô sinh nhân?

Đáp: Đại kinh nói: Tất cả chúng sanh đều có Phật tính, tất cả sẽ thành Phật. Nay gặp Phật, gặp thiện tri thức; cho nên đắc đạo. Cũng như giới và thừa, hoãn và gấp đã nói rõ ở phần trên. Vì ba phẩm giới hoãn mà sinh ba ác đạo. Nhờ đại thừa gấp, dùng thân ác đạo mà gặp Phật nghe pháp.

Từ câu: “Bát bộ...” là phần nói về tám bộ được lợi ích.

Từ câu: “Tam sinh nhập chánh vị...” là phần ba, nói về đắc đạo mau chậm. Do căn lợi, độn mà ngộ có cạn, sâu. Hai nghĩa chánh vị là: 1. Nhân không đó là ngôi thập giải thuộc Biệt giáo và ngôi thập tín Viên giáo đắc được. 2. Pháp không: là ngôi sơ địa thuộc Biệt giáo và ngôi sơ trụ thuộc Viên giáo đạt được. Sau khi nghe pháp, từ một đời cho đến mười đời thì đắc chánh vị. Ví như tổ sinh trong kinh Pháp Hoa đã liệt kê.

Từ câu: “Phật bảo...” là chương lớn thứ ba: Như Lai thuật thành. Văn có hai phần: Phần đầu tán về năng thuyết; phần sau tán về sở thuyết. Văn phần đầu lại có hai phần: Trước là chánh tán, sau là thuật tán. Văn phần trước lại có hai phần: 1. Bảo với chúng; thật đắc đạo quả, nhờ quyền hạnh mà tự biết bốn tích của vua diệu quang. Thật thì không biết, cho nên bảo cho biết.

Từ câu: “Thiện nam tử ! Vua Nguyệt Quang ấy...” là phần phát tích: Xưa ở chỗ Long Quang vương, Phật là khai sĩ, trụ thứ tư điểm tuệ.

Ta là Bồ-tát trụ thứ tám, đẳng quán. Ta nay thành Phật, thì Nguyệt Quang là Bồ-tát pháp vân địa. Vì sao biết được vậy? Sư tử hồng gọi là quyết định thuyết nếu chẳng phải là địa thứ mười thì không thể kham nổi! Vả lại, Tịnh Danh khen ngợi Bồ-tát địa thứ mười rằng: Có thể sư tử hồng, nổi tiếng cả mười phương.

Từ câu: “Đúng vậy! Đúng vậy!...” là phần thuật tán. Trước là tán về thắng giải. Với vua, giáo đã thuyết, xứng lý đã được giảng; giáo và lý tương xứng, cho nên nói hai lần đúng vậy!

Từ câu: “Từ sau địa thứ chín...”, thì tâm không thể suy tính, miệng không thể luận bàn. Tiếp đến là giải về Bát-nhã; bảo rằng: “Chỉ có Phật với Phật mới biết việc ấy”. (Có kinh viết chữ “Nhờ Phật” là chẳng đúng; phải là “Với Phật”.)

Từ câu: “Thiện nam tử!...” là phần ca ngợi pháp được thuyết. Văn có ba phần: 1. Chánh tán. 2. Khuyến tu. 3. Đại chúng cúng dường. Văn phần một: lại có ba phần: 1. Giải thích về không thể suy bàn. 2. Giải thích về không thể độ lượng. 3. Giải thích chỉ có Phật mới biết. Phần một: lại có ba phần nhỏ: 1. Lược thuyết. 2. Giả nêu hai tạng. 3. Giải thích rộng. Văn phần nhỏ một lại có bốn phần: 1. Nêu con số: Là mười bốn Bát-nhã. Từ “Ba nhãn địa” trở đi là phần hai: phối nhãn; đó là ba phẩm phục nhãn; thập trụ, thập chỉ, thập kiêu tâm. “Địa địa thượng -trung-hạ ba mươi nhãn”; là từ sơ địa đến thập địa, mỗi địa đều có thượng, trung, hạ; mười địa thành ba mươi nhãn. Từ “Tất cả hành tạng...” trở đi là phần ba: Tạng nhiếp. Nhất thiết hành tạng là mười ba nhãn. Tất cả Phật tạng tức là thượng phẩm tịch diệt. Cả hai gồm thâu tất cả công đức, cho nên gọi là tạng. “Bất khả tư nghị” là phần bốn, kết về bất khả tư nghị. “Vì sao?” là phần hai nhỏ giả nêu hai tạng. Từ câu: “Tất cả chư Phật...” là phần nhỏ ba theo nghĩa giải thích rộng. Văn có ba phần: 1. Lấy Phật để nói về bất khả tư nghị. 2. Giải thích chung cả hai tạng để nói về bất tư nghị. 3. Song kết hai tạng để tỏ rõ bất tư nghị. Ở phần một lại có hai phần: 1. Lấy sự thành tựu hóa thân để nói về vô sinh diệt. 2. Theo sự thắc mắc mà giải thích lại. Văn phần một này lại có hai phần: 1. Lập nhị bực; ở đây là phần đầu: pháp thân không có tướng; vì vật mà có hình, sinh ở cung vua, diệt ở song lâm; lấy sinh diệt để hóa chúng sanh.

Từ câu: “Vô sinh...” là bực thứ hai, nói về cái dụng của nó rất tịch rất rộng cái thể của nó tịch rộng cho nên vô sinh, vô diệt, vô hóa. Từ câu: “Vô tự tha...” trở đi, là theo sự thắc mắc mà giải thích lại. Trước là pháp, sau là dụ. Ở đây là phần trước. Kia và Ta, cả hai đều mất cho nên vô tự tha. Cảnh trí đều tuyệt, cho nên không hai. trung đạo tối thượng,

cho nên là đệ nhất. Tức động là tịch, cho nên phi hóa. Tức tịch là động, cho nên phi bất hóa. Phi vô vô tướng là để thích nghi ngầm. Sợ người nghe vô sinh, vô tử, vô hóa... liền cho rằng không có pháp của xuất thế vô tướng, nên giải thích mối nghi đó mà bảo là “Phi vô vô tướng vô khứ lai...”. Chỉ câu khứ lai thì bất khả đắc, cho nên bảo là vô khứ lai. “Như hư không” là phần hai: Nêu dụ. Từ câu: “Tất cả chúng sinh...” là phần hợp thích cả hai tạng, nói về không thể nghĩ bàn. Văn có hai phần: Trước là giải thích, sau là kết luận. Trong phần giải thích lại có hai phần: 1. Nhân và pháp tương đối, biện về bất tư nghị. Trong phần một lại có hai: 1. Nói về nhân không. 2. Nói về pháp không. Văn phần một lại có hai phần: 1. Dùng ba nghĩa để biện về chúng sanh không. 2. Lấy các danh để biện về ngã nhân không. Ở đây là phần một. Nói ba nghĩa là: 1. Vô sinh diệt; 2. Không trói, mở; 3. Phi nhân quả, phi bất nhân quả. Nghĩa chúng sanh thì vô sở đắc. Lìa khổ cho nên không có sinh và diệt. Lìa tập cho nên không có trói, mở. Lìa tập thì phi nhân lìa khổ thì phi quả. Tuy là phi nhân quả, mà nhân quả rõ ràng cho nên bảo là phi bất nhân quả. Vả lại, kinh đại phẩm có nói: Sắc không thì thọ-tưởng-hành-thức không. Vì năm ấm không, thì lấy gì để có sinh? Cho nên vô sinh. Đã không sinh thì làm sao có diệt? Cho nên vô diệt. Không trói, không mở thì ở phẩm năm mốt của đại luận nói: Năm chúng không trói, không thoát. Như rút ráo không tức không có kẻ làm, thì ai bị trói, ai được thoát? Pháp về người của phàm phu là hư giả, bất khả đắc cho nên bảo là chẳng phải trói buộc. Thánh nhân thì rút ráo, bất khả đắc; cho nên bảo là chẳng mở. Cho đến Bồ-tát trụ trong đạo ấy, các phiền não không lôi kéo rơi đọa trong phàm phu cho nên bảo là không trói. Không lấy các pháp vô lậu để phá phiền não; cho nên bảo là không mở. Đủ như thuyết kia, thì Vệ Thế Sư cho Ta là tác giả, gọi là nhân. Tăng khư cho Ta là thọ giả, gọi là quả. Nay Ta đã không cho nên là phi nhân quả. Với chơn đế thì vô, với tục đế thì hữu; cho nên bảo là phi bất nhân quả.

Từ câu: “Phiền não ngã nhân...” là phần hai. Lấy các tên gọi về ngã để biện về ngã, nhân không. Văn có hai phần: 1. Nói rõ ngã không. 2. Nói ngã sở không. Ở đây là phần một; có năm phần: 1. Ngã. 2. Nhân. 3. Tri giả. 4. Kiến giả. 5. Thọ giả. Từ câu: “Ngã sở giả...” là phần nói về ngã sở không. “Tất cả khổ thọ” nghĩa là: Khổ thọ thì gọi là khổ khổ. Lạc thọ thì gọi là hoại khổ. Xả thọ thì gọi là hành khổ. Ba cái đó đều là hạnh hữu vi, đều cùng là các pháp thuộc ngã sở; cho nên bảo tất cả khổ, thọ, hạnh không là vậy.

Từ câu: “Tất cả pháp tập...” là phần nói về pháp không. Tất cả



pháp tập nghĩa là nhân và duyên cùng thành, đó gọi là danh giả tạo. Năm ấm huyễn hóa là năm ấm không thật; đó là pháp giả tạo. Vô hợp vô tán đó là thọ giả tạo. Nhân, duyên cùng sinh, cho nên là vô tán. Nhân duyên tức không, cho nên vô hợp. Pháp đồng pháp tính nghĩa là tất cả các pháp đều đồng một tính chơn như. Vì nó xưa nay vốn tịch nhiên không.

Từ câu: “Cảnh giới pháp...” là phần nói về cảnh và trí đối nhau để biện về bất tư nghị. Văn có hai phần: 1. Biện về cảnh không. 2. Giải thích về trí không. Trong phần một có hai phần: Trước là pháp, sau là dụ. Trong phần pháp, nói cảnh giới pháp không là nói chung về không; nghĩa là tất cả các pháp không có pháp nào không phải là không. Từ câu: “Không vô tướng...” là phần nói về cái không riêng biệt. Văn có ba phần: 1. Nói về pháp không. Nói không ấy là không định! Vô tướng vô ấy là vô tướng định! Bất chuyển là vì pháp nhiệm khổ tập không thể chuyển thành pháp tịnh vô lậu. Lại nữa, trong môn thật tướng, vô tướng bất tướng; cho nên bảo là không vô tướng. Tướng không thể động cho nên bảo là bất chuyển. Lìa hoặc cho nên vô điên đảo. Lìa giải cho nên gọi là bất thuận. Biết chư pháp không không cho nên gọi là huyễn hóa. “Vô tam bảo” là phần song hiển nhân và pháp, cả hai đều không. “Không có thánh nhân, sáu đạo.” Là phần nói về nhân không. Như hư không là nêu dụ để so sánh.

Từ câu: “Bát-nhã vô tri...” là phần giải thích trí không. Văn có ba phần: Pháp - Dụ - Hợp. Ở đây là phần một. Tri không có, cho nên bảo là vô tri. Kiến không có, cho nên bảo là vô kiến. Không hành pháp sinh diệt; không nhiễm duyên vô minh. Lại nữa, quán và duyên đều tịch; cho nên bảo là bất hành, bất duyên. Không từ cái nhân sinh ra, cho nên bảo là bất nhân. Không pháp để có thể thọ, cho nên bảo là bất thọ. Bởi bất đắc tất cả tướng chiếu là giải thích: Chẳng lẽ là vô tâm mà bất tri, vô nhân mà bất kiến, chỉ vì lý và tướng quán chiếu bất khả đắc!

Từ câu: “Tướng hành đào ấy...” là phần nêu dụ.

Từ câu: “Pháp tướng như vậy...” là phần hợp. Tâm và cảnh đều không, thì lấy cái gì để có tâm mà đắc! Tâm và cảnh đều giả thì lấy cái gì để có thể vô tâm đắc!

Từ câu: “Đó là nhờ công đức của Bát-nhã...” là phần kết bốn nghĩa trên. Văn có bốn phần: - Không thể trong chúng sinh mà hành, kết về nhân không. - Không thể trong pháp mà hành, kết về pháp không. - Không thể trong cảnh mà hành kết về cảnh không. - Không thể trong giải hiểu mà hành, kết trí không.

Từ câu: “Vì vậy, Bát-nhã...” là phần thứ ba song kết hai tạng bất khả tư nghị. Văn có hai phần: Phần đầu là tổng kết theo trí.

Từ câu: “Nhưng tất cả chư...” là phần hai tổng kết riêng theo nhân; văn lại có hai phần: Phần một nói về Bồ-tát bất hành mà hành bất tư nghị. Từ câu: “Nhất thiết các Như Lai...” trở đi. Phần hai nói về chư Phật vô hóa mà hóa bất tư nghị.

Từ câu: “Thiện nam tử! Công đức tạng đó...” là phần thứ hai, giải thích về bất khả độ lượng ở trên. Những gì Bồ-tát thập địa nói là như biển. Nguyệt Quang cũng đã nói như biển lớn. Lại nữa, như vua đã nói, như biển là một chân lý. Đã nói thập địa như biển lớn.

Hỏi: Ý vua nói hơn Bồ-tát những gì?

Đáp: Vua vốn không địa làm sao biết!

Từ câu: “Ta nay lược thuật...” là phần thứ ba, giải thích ý chỉ Phật mới có thể biết nêu ở trên. Đức của Nguyệt Quang là vô lượng. Lược thuật tức tận, cho nên mới nói là phân nghĩa.

Từ câu: “Thiện nam tử!...” là phần nói về khuyến tu. Văn có ba phần: 1. Ca ngợi khuyến tu. 2. Trưng dẫn. 3. Giải thích rộng. Ở đây là phần một. Trước tiên nói về phàm thánh tự tu.

Từ câu: “Nếu hết thấy...” là phần nói về sự khuyến tu chánh chơn. “Vì sao? ...” Là nói về trưng dẫn.

Từ câu: “Nhất thiết Phật và Bồ-tát ...” là phần giải thích rộng - Văn có ba phần: 1. Nêu sơ lược những điểm chánh. Trước nói môn là bởi không mắc vướng; nay nói lược là bởi có thể thông.

Từ câu: “Cho nên, hết thấy...” là phần nói về chánh lược cho hàng nhị thừa nương mười bốn nhẫn tu học.

Từ câu: “Người này vượt qua khỏi...” là phần nêu hai lợi ích của quả thán thắng: 1. Ly khổ. 2. Đắc lạc.

Từ câu: “Thời, trong chúng sanh...” là phần nói về đại chúng cúng dường. Văn có ba phần: - Trước tiên là công đức cúng dường của Bồ-tát - Tiếp đến là trời cúng dường, cuối cùng là quỷ thần tu hành; từ hơn cho đến liệt kém! Cho đến đây là đã trả lời câu hỏi thứ nhất và thứ hai về hạnh tự lợi, lợi tha xong.

Từ câu: “Phật bảo đại dương...” là chương lớn thứ ba, trả lời về tướng của sở hóa chúng sanh. Văn có ba phần: 1. Ghi chép lại câu hỏi trước. 2. Chánh đáp. 3. Đắc ích. Nay ở phần đầu, là lặp lại lời câu hỏi trước: Chúng sanh tướng như thế nào có thể hóa?

Từ câu: “Nếu dùng huyền hóa...” là phần trả lời. Văn có hai phần: 1. Lược. 2. Rộng. Ở đây là phần một. Năng hóa, Sở hóa đều do nhân

duyên sanh hết thủy đều là huyễn hóa. Năng đúng là như vậy Chơn là hành hóa chúng sanh. Tịnh Danh nói: Ví như huyễn sĩ tạo ra các người huyễn thuyết pháp vậy!

Từ câu: “Một niệm ban đầu, chúng sanh ý thức được...” là phần hai, trả lời chi tiết. Văn có hai phần: 1. Sở hóa như huyễn. 2. Năng hóa như huyễn. Văn phần một có hai: Trước giải thích, sau là kết. Trong phần trước, giải thích sáu giả thành sáu phần riêng biệt. Thứ nhất; trong phần giải thích pháp giả, có hai phần: 1. Nói đúng pháp giả. 2. Cảnh phàm và thánh khác nhau. Trong phần một lại có hai phần: 1. Nói về bốn thức có thể sinh sắc, tâm; bốn thức tức là cái nhân chính của Phật tính, khác với cỏ đá, phư hữu phi vô. Bất tri bất vọng như nước thì tính ẩm ướt, lửa thì tính nóng. Đá thì tính kim loại, chỉ tùy theo cảnh giới mà có sự sai khác. Đắc cảnh giới thiện thì sinh ra thiện; đắc cảnh giới ác thì sinh ra ác; cho đến thành những thân của địa ngục, súc sanh ... chỉ lấy một niệm ban đầu cho đến kim cang; thì khoảng giữa trong đó sẽ sinh ra vô số thân tâm thiện ác không thể nói ra được. Đại kinh nói; như thuốc núi Tuyết, chỉ là một vị, tùy theo nơi mà có nhiều tên gọi khác nhau. Vị chân chính của nó thì giữ ở tại núi, rừng cây được quả thì không thể bị mai một!

Hỏi: Các loài chúng sanh có bốn tế hay không? Nếu nói là có, vì sao Trung A-hàm nói: Bốn tế của chúng sanh bất khả đắc?

Đáp: Nói tóm lược có hai cách nói: 1. Trong lý thì không thể nói phiền não và thân; không có trước và sau. 2. Theo sự thì có một niệm thức sinh.

Từ câu: “Chúng sinh căn bản...” là phần hai, nói về sắc tâm thành ấm giới,... Văn có hai phần: 1. Thành năm ấm. 2. Thành mười hai xứ. Ở đây là phần một. Một chấm trắng đỏ gọi là “Sắc cái” bởi lực nghiệp hành. Thức gởi ở trong đó, gọi là “Thức cái”. Tức là khai tâm thành ra là bốn cái. Cái tức là ấm. Ấm nghĩa là che đậy cái nghĩa cũng như vậy. Thân gọi là tịch tụ, vì có ba mươi sáu vật cộng chung mới thành thân này.

Từ câu: “Đại vương! Một sắc pháp đó...” là phần hai, nói về sự tạo thành mười hai xứ. Văn có ba phần: 1. Một sắc sinh vô lượng sắc: Nghĩa là năm trần, bốn đại,... sinh ra năm thức xứ... 2. Năng thành năm căn. Nghĩa là: Cái do bốn đại tạo ra, có thể sinh ra năm thức; nên gọi là căn. Từ câu: “Một sắc như vậy...” là phần tổng kết. Một sắc sinh ra năm trần, năm căn, bốn đại chưa nói về pháp nhập sắc! Một tâm động trong mười hai nhập có thể sinh ra ý căn ở trong mười tám giới có thể sinh ra

sáu thức và không giới; trong phần giải thích, lược bỏ không nói.

Từ câu: “Đại vương! Phàm phu...” là phần nói về cảnh sai biệt của phàm và thánh. Văn có hai phần: 1. Nói về cảnh phàm, đều giả. 2. Nói về cảnh thánh chơn thật. Văn phần một dễ hiểu.

Từ câu: “Sáu thức của thánh nhân...” là phần hai nói về thánh cảnh. Giả danh tuy là một, mà cái thấy thì khác nhau! Vọng kiến của phàm phu là chấp trước. Thánh nhân diệt sắc vô thường, thu được sắc thường; đó là ý của Biệt giáo và Viên giáo.

Từ câu: “Chúng sanh...” là phần hai, nói về thọ nhân giả tạo. Văn có bốn phần: 1. Theo hai đế; 2. Nói hữu; Vô. 3. Theo sáu đạo; 4. Theo bốn tính. Ở đây là phần một. Trên đã nói, năm ấm là pháp giả, bởi cho rằng có chúng sinh tức có thọ giả tạo. Theo thế đế thì có, theo chơn đế thì không có!

Từ câu: “Hoặc hữu, hoặc vô...” là phần nói về hữu và vô. Ngoại đạo cho thật có làm hữu, thoát đạt làm vô. Đó là cái gốc của sáu mươi hai kiến.

Từ câu: “Chỉ là ý niệm của chúng sanh...” là giải thích nguyên do hữu. Phàm phu vọng chấp cho rằng có thọ; còn thánh nhân lấy thọ như huyễn hóa. Điều là lấy thánh đế đối lại với phàm.

Từ câu: “Cho đến sáu đạo...” là phần ba, lấy sáu đạo để nói rõ thọ là giả tạo.

Từ câu: “Huyễn hóa thấy huyễn hóa...” là phần bốn, dựa theo bốn dòng họ. Cái gọi là kiến ấy là chiếu người hóa chơn huyễn người hóa thật huyễn. Chơn huyễn tức người người Biệt giáo. Đó là thành tựu năng hóa và sở hóa để tỏ nói về thọ là giả tạm.

Từ câu: “Huyễn đế pháp...” là phần giải thích tên gọi giả tạm. Văn có hai phần: 1. Nói rõ Phật biết trước đây là không có danh. 2. Nói về Phật đặt tên. Văn phần một có ba phần: 1. Không có nghĩa danh: Vì Phật chưa xuất thế, không có bậc thánh lớn, không nói danh là giả.

Từ câu: “Huyễn pháp huyễn hóa ...” là phần hai, nói về vô danh thế. Tăng Triệu nói: Danh không đắc được cái công của vật. Vật không làm cái thật của danh!

Từ câu: “Không có tam giới,...” là phần ba, nói về không có ba cõi sáu đường.

Từ câu: “Đại vương! Vì vậy mà...” là phần Phật đặc tên gọi. Văn có hai phần: 1. Phật lập danh, đủ tri thức giả tạm. Từ câu: “Danh ấy vô lượng...” là phần kết. Danh chẳng một! “Tương tục giả tạo pháp...” là phần bốn; nói về tương tục giả tạo. Văn có ba phần: 1. Nêu tông.



Từ câu: “Một cũng không tiếp tục...” là phần hai: Giải thích. Một cũng bất tục; vì nó một. Khác cũng bất tục vì nó riêng biệt. Từ câu: “Chẳng chung một, chẳng riêng khác...” là phần ba: Thuận kết. Nó giống như mầm và mạ, không thể nói là chung một, riêng khác! Từ câu: “Tương đãi giả tam...” là phần năm, giải thích về tương đãi giả tạm. Trong văn có hai ý: Tất cả đều đối đãi nhau, tương ấy kị sự đối đãi. Trung luận nói: Nếu pháp thành do đối đãi, thì pháp ấy lại thành đối đãi! Như các pháp thuộc năm sắc, thì tương ấy đối đãi với nhau. Tương đối như mắt thấy sắc, tai nghe thanh... như dài đối đãi với ngắn đó là tương hình đãi. Tất cả pháp đều duyên thành; tạm mượn các pháp của năm ấm làm duyên, giả tạm mà thành chúng sanh. Từ câu: “Câu thời nhân quả...” là phần sáu, giải thích nguyên nhân sinh giả tạm. Như năm quả ba nhân là câu thời nhân quả! Hai nhân quá khứ, năm quả hiện tại, là dị thời nhân quả. Lại nữa, duyên hiện là câu thời quán nhân là dị thời. Lại nữa, trụ, cột thành nhà ở là câu thời. Một ngày mười hai thời là dị thời. Lại nữa, đèn và ánh sáng là câu thời; tối và sáng là dị thời.

Từ câu: “Tất cả huyễn hóa...” là phần tổng kết về giả tức tạm tức kết phần sở hóa như huyễn ở trước.

Từ câu: “Đại vương!...” là phần thứ hai nói về năng hóa như huyễn. Vì Bồ-tát thấy chúng sanh không thật, giống như người bệnh về mắt thấy hoa đốm giữa không trung. Chúng sinh không biết, mới vì họ mà tuyên thuyết. Đều là giả tạm, là lực dụng của Bồ-tát.

Từ câu: “Thời chư...” là phần thứ ba, nói về thời chúng đắc ích. Văn có hai phần: 1. Nói về đắc nhãn: nghĩa là địa tiền, địa thượng, cho đến nhất địa trở đi. 2. Nói về đức hạnh của địa thượng.

-----

## PHẨM THỨ TƯ: NHỊ ĐẾ

Trong phần nội hộ trên, văn có ba phần riêng biệt. Ở phẩm nhị đế này tức là phần ba, nói về chỗ nương của hai hộ.

Nói nhị đế là đại tông của Phật giáo có bảy loại: Hữu thật, hữu huyền, hữu biệt nhập thông, Biệt giáo, Viên nhập biệt, Viên giáo. Về chi tiết như pháp hoa huyền nghĩa đã nói. Chỉ vì cái thấy của phàm phu cạn cợt, nên gọi là tục. Cái thấy của thánh nhân thâm sâu, gọi là chơn. Xét kỹ thật lý, gọi là đế. Lại nữa, phẩm thượng quán không đã nói: Thật trí, phương tiện trí đều không mà hộ. Những người chưa đạt sự thì cần phải thực hành hóa, hóa thì phải có do, gọi đó là nhị đế; cho nên ở đây nói về cái đó.

Văn phẩm có hai phần: 1. Hỏi đáp. 2. Khuyến trì. Văn phần một có ba phần: 1. Nói về hai đế bất nhị. 2. Nói về thuyết pháp bất nhị. 3. Nói về pháp môn bất nhị. Văn phần 1. Lại có hai phần: Trước hỏi sau đáp. Trong phần hỏi lại có ba phần: 1. Nêu cả hai. Từ “Bấy giờ” trở đi..., sắp hỏi cho nên ra hai trưng. 2. “Nếu nói không có...” nghĩa là thắc mắc cả hai. Có người cho rằng: Nếu nói không có nghĩa là trí phàm phu, không ứng với có hai, đó là hai đế chơn và tục. Nếu nói có, thì trí của thánh nhân không ứng với một. Một tức là Đệ-nhất-nghĩa-đế. Nay ở đây cho rằng: nếu nói có thì không cần phải nói là hữu và vô đều không! Nếu nói là không có thì không cần phải hai kiến sai biệt!

Từ câu: “Nghĩa của một và trụ...” là phần song kết.

Từ câu: “Phật bảo, Đại vương!...” là phần đáp. Văn có ba phần:

1. Chánh đáp. 2. Dẫn chứng. 3. Thích thành. Văn phần một lại có ba phần: 1. Tán thán nhân thuở xưa của Nguyệt Quang; có thể tự hiểu. Từ câu: “Ông nay không có nghe...” là phần hai chánh đáp. Nghe và nói đều không, tức bất nhị. Nghe và nói vẫn rõ ràng, tức bất nhất. Từ câu: “Lắng nghe...” là phần ba: Bảo nghe, khuyến tu ba tuệ.

Từ câu: “Kệ của bảy Phật như vậy:...” là phần dẫn chứng. Tụng có tám hàng rưỡi; chia làm ba phần riêng biệt: Ba hàng đầu là phần bày tỏ chính về nhị đế; ba hàng tiếp theo là giải thích nghĩa; đáp câu hỏi là chính; hai hàng rưỡi sau cùng là kết thành nghĩa ở trên. Văn phần đầu lại có ba phần: Hàng đầu nói về nhị đế thuộc Biệt giáo; nửa trên nói chơn đế tức hữu không; nửa dưới nói tục đế tức không hữu. Đại luận nói: Mười hai nhân duyên là do ai làm ra? Phật nói: Chẳng phải Phật, chẳng phải Bồ-tát, cho đến chẳng phải tất cả thánh nhân làm ra! Cho nên mới nói là: Vô tự vô tha tác. Từ câu: “Pháp tính vốn vô tính...” là

phần thứ hai một hàng nói về nhị đế thuộc Thông giáo; nửa trên còn lại nói về chơn, nửa dưới còn lại nói về tục. Giả là pháp, thọ, danh. Từ câu: “Vô vô đế thật vô...” là phần ba, hàng thứ nhất nói về nhị đế thuộc Viên giáo. Không có tục đế riêng biệt là một vô. Không có chơn đế riêng biệt là một vô, cho nên mới nói là “vô vô đế”. Hai câu trên nói về chơn. Câu tiếp nói về tục. Câu sau là tổng kết.

Từ câu: “Hữu vô vốn tự nhị...” là phần trả lời chính các câu hỏi. Nói về không một không hai. Văn có ba phần: 1. Hàng thứ nhất, lý và trí tương đối nhau, để quên mất chung một và riêng khác (nhất dị). Nửa trên nói về một, hai. Nửa dưới nói về không một không hai. Từ câu: “Giải tâm kiến bất nhị...” là phần hai: Hàng đầu là trí và lý cùng đối nhau để mất chấp. Nửa trên còn lại là nói giải tâm. Từ câu: “Cầu hai bất khả đắc là nửa sau còn lại, nói về dính mắc mất. Cái gọi là giải nghĩa là thấy hai để đều không, liền dính mắc vào cái không đó. Hai còn chẳng đắc, chẳng hai lại đắc được sao! Từ câu: “Đối với giải thường tự một...” là phần ba: Hàng đầu, lý và trí cùng đối nhau để nhập chơn nghĩa.

Từ câu: “Thế đế huyễn hóa khởi...” là phần ba hai hàng rưỡi kết thành ba nghĩa trên: 1. Hàng đầu nói về thế đế hữu vô, với ba dụ: 1. Không hoa. 2. Ảnh. 3. Tay thứ ba. Đều là không có thật. Tuy là không có thật nhưng chẳng không. Từ câu: “Huyễn hóa kiến huyễn hóa...” là phần hai; một hàng nói về thánh kiến hữu vô; gọi là quán của chư Phật. Nửa hàng sau là phần ba, kết thành quán.

Từ câu: “Đại vương! Bồ-tát...” là phần thích thành. Văn có hai phần: Phần trước nói nghĩa của hai phần sau nói về nghĩa của một. Chiếu tục là để hóa phàm phu; chiếu chơn để hóa nhị thừa. Từ câu: “Phật và chúng sanh...” là phần hai, nói về nghĩa một. Văn có ba phần: 1. Năng và sở đối với nhau để làm rõ nghĩa một. Có ba, đó là nêu, trưng, thích. Ở đây là phần nêu. “Vì sao?” là phần trưng. Từ câu: “Vì chúng sanh...” là phần thích. Vì chúng sanh không được đặt Bồ-đề không, là giải thích Phật năng hóa. Vì Bồ-đề không, cho nên được đặt chúng sanh không, là giải thích sở hóa. Lại nữa, chúng sanh không là nhân không; Bồ-đề không là pháp không. Từ câu: “Vì tất cả pháp...” là phần hai, nêu cảnh và trí đối với nhau để làm rõ nghĩa một. Văn có ba phần. Văn có ba: Nêu, trưng, thích. Ở đây là phần nêu. “Vì tất cả pháp...” là nghĩa là cảnh và trí cả hai đều không, cho nên nói là “không không”. “Vì sao?” là phần trưng. Từ câu: “Bát-nhã vô tướng...” là phần thích. Văn có hai phần: 1. Giải thích chính nghĩa một, đã rõ. 2. Từ “Bát-nhã không ở vô minh...” trở đi là giải thích lại câu hỏi trước. Vì sao tất cả tướng không;

sự đã rõ, có thể biết được nhưng cái không của Bát-nhã có sai biệt gì? Vì vậy mà ở đây mới giải thích rằng: “Từ vô minh cho đến ở Phật quả.” Là để nói rõ sự riêng biệt. Văn có hai phần: 1. Theo thứ bậc của mê và ngộ để làm sáng tỏ tướng không; thì đã rõ. 2. “Khi năm nhãn thành tựu ...” là dựa theo Phật quả để hiển bày tướng không. Văn có hai phần: 1. Nói về không thấy mà thấy. Bốn nhãn: Nhục nhãn, thiên nhãn... ở Phật thì gọi là năm nhãn của Phật. Từ câu: “Hành cũng không thọ...” là phần hai nói về không hành mà hành mới lìa năm phi.

Từ câu: “Bồ-tát khi chưa thành Phật...” là phần thứ ba, nói về nhiệm và tịnh đối với nhau để làm rõ nghĩa một. Trong văn có ba: Nêu, trưng, thích. Phần nêu thì đã rõ. “Vì sao?” là phần trưng. Từ câu: “Ở đệ nhất nghĩa nhưng bất nhị...” là phần giải thích. Như tối và sáng tuy là hai, nhưng không gian thì không hai.

Từ câu: “Bạch Phật rằng:...” là phần thứ hai nói về sự thuyết pháp không hai. Văn có hai phần: Trước hỏi sau đáp. Ý hỏi: Nếu các hư không như như tức không có văn tự; vì sao thánh nhân lại nhờ đó mà giáo hóa?

Từ câu: “Đại vương! Pháp luân...” là đáp. Văn có hai phần: 1. Danh không. Nói pháp luân là chỉ cho hai loại hành và giáo. Pháp bốn nghĩa là kinh Tu-đa-la. Trùng tụng là kinh Kỳ Dạ. Thọ ký là kinh Hòa-già-na. Bất tụng kệ kinh là kinh Già-đà. Không hỏi nhưng tự thuyết là kinh Ưu-đà-na. Giới kinh là kinh Ni-đà-na. Thí dụ là kinh A-bà-đà-na. Pháp giới là kinh Y-đế-mục-đa-già. Đại kinh nói: Giới kinh; bốn sự là kinh Xà-đa-già. Phương quảng là kinh Tỳ-Phật-lược. Chưa từng có là kinh A-phù-đà-đạt-ma. Luận nghị là kinh Ưu-bà-đề-xá. Mười hai thứ đó đều rộng không, tức như.

Từ câu: “Là danh vị cú...” là phần giáo không. Lấy âm thanh của cõi nước này làm Phật sự, lìa tính văn tự; cho nên đều như.

Từ câu: “Nếu giữ lấy văn tự...” là phần nói về bất hành không. Hành không thì chẳng phải là chánh quán.

Từ câu: “Đại vương! Như như văn tự...” là phần thứ hai nói về tu không. Văn có ba: Phần thứ nhất, biện về tu tập. Văn lại có hai phần: 1. Nói về nhân vị. Nhân ở giáo mà sinh trí, giáo làm mẹ của trí. Lại nữa. Không như văn tự, văn tự như hư không; cho nên bảo là như như. Nhờ ở như như đó mà có thể sinh ra Phật trí; cho nên bảo là mẹ của trí. 2. Từ câu: “Tất cả chúng sanh...” là phần nói về quả vị. Tại thân của chúng sanh là quả Phật tính. Tại thân Phật gọi là Nhất-thiết-chủng-trí. Khi chưa thành Phật, tất sẽ thành Phật. Vì nó là năng thành, cho nên

phải là mẹ. Khi chưa đắc đạo thì gọi là Phật tính. Khi đã đắc đạo, gọi là Nhất-thiết-chủng-trí.

Từ câu: “Tam thừa Bát-nhã...” là phần thứ hai giải thích lại. Nghĩa là, trước thì gọi Phật trí mẫu, lại còn bảo tính căn vốn trí mẫu. Vì sợ người khó hiểu, cho nên nay giải thích lại. Văn có hai phần: 1. Giải thích theo lý tính. 2. Giải thích theo hạnh tính. Lý tức như như trí mẫu. Ở đây là phần giải thích theo lý tính; là trí mẫu căn bản.

Từ câu: “Nếu Bồ-tát vô...” là phần giải thích theo hạnh tính; là trí mẫu như như. Nếu Bồ-tát vô văn tự mà học, vô tu mà tu, thì đắc chơn trí Bát-nhã.

Từ câu: “Đại vương! Nếu Bồ-tát...” là phần thứ ba kết luận về tu thành.

Từ câu: “Tiếp đó, bạch Phật rằng...” là phần thứ ba nói về pháp môn bất nhị. Trước hỏi sau đáp. Trong phần hỏi có ba phần: 1. Hỏi về căn.

Từ câu: “Hạnh cũng vô lượng” là phần hai hỏi về hạnh. Từ câu: “Pháp môn là một...” là phần ba, hỏi về pháp môn. Và lại ý muốn hỏi là: Căn tính của chúng sanh, chí hướng khác nhau. Quán môn đã thuyết, là một hay là hai?

Từ câu: “Đại vương!...” là phần Phật đáp. Văn có ba phần: 1. Lược đáp. 2. Rộng đáp. 3. Kết. Văn phần lược đáp lại có hai phần: 1. Quán môn. 2. Pháp sở quán. Ở đây là phần một. Văn đã rõ. Từ câu: “Tất cả pháp cũng phi hữu tướng...” là phần nói về pháp sở quán. Phi hữu tướng là vì tướng không thật. Phi phi vô tướng là bởi lìa lỗi lầm của không. Từ câu: “Nếu Bồ-tát...” là phần rộng đáp. Văn giải thích có ba ý: 1. Theo nhị đế để hiển bày. Từ câu: “Nếu Bồ-tát quán chúng sanh...” là phần tục đế. Không thấy một, hai là chơn đế. Tức tục tức không, cho nên bảo là bất nhị. Là Đệ-nhất-nghĩa-đế. Hoặc hữu hoặc vô tức là gốc của các kiến, gọi là thế đế.

Từ câu: “Lấy ba đế...” là phần hai dùng ba đế để hiển bày các pháp. Có người cho rằng: Không tức chơn; sắc tức năm căn, tâm tức sáu thức. Ở đây nói rằng: Tất cả pháp thì lý và sự đều ở đấy. Không thì bắt đầu từ hư không cho đến Bát-nhã, cũng có chơn và tục. Sắc thì bắt đầu từ thật sắc cho đến chơn sắc, cũng có chơn và tục. Tâm thì bắt đầu từ sinh diệt cho đến cô tác, cũng có chơn có tục. Nhiếp pháp thật rộng. Năm loại ba đế thì trong pháp Hoa huyền nghĩa đã nói.

Từ câu: “Ngã, nhân, tri kiến...” là phần ba, lấy ba giả tạm để hiển bày pháp. Ngã, nhân, tri kiến là danh giả tạm. Năm ấm là thọ giả tạm;

tất cả pháp là pháp giả tạm.

Từ “Phẩm chúng sanh...” là phần kết đáp.

Từ câu: “Đại vương! Bảy Phật ...” là chương lớn thứ hai: Khuyến trì. Văn có hai phần: 1. Thán giáo. 2. Nêu danh khuyến trì. Văn phần một có năm phần: 1. Thuyết thông với bảy Phật. Văn đã rõ. Từ câu: “Đại chúng các ông...” là phần nêu lợi ích khuyến trì. Từ câu: “Huống nữa lại ở kinh này...” là phần thứ ba, nói về thắng tín. Năng tín kinh này thì thành tựu được ba trí, tức vượt qua khỏi công đức của mười địa Thông giáo.

Từ câu: “Huống nữa là thọ trì...” là phần bốn, nói về đắc nhập. Sơ trụ thành Phật thuộc Viên giáo, có thể hóa chúng sanh ở trăm Phật thế giới. Từ câu: “Thời, chư đại chúng...” là phần năm, nói về đắc ích. Từ câu: “Đại vương! Kinh này...” là phần hai nêu danh khuyến trì. Văn có hai phần: Trước là nêu danh thì đã rõ. Từ câu: “Cũng gọi là tất cả...” là phần tiếp theo, nói rõ về dụng, cũng đã thấy.

-----

## PHẨM THỨ NĂM: HỘ QUỐC

Chánh thuyết có bốn phần: Phần một, gồm ba phẩm, nói về nội hộ. Phần này đã nói xong. Nay phẩm hộ quốc này là phần thứ hai, nói về ngoại hộ. Có hai loại quốc độ: 1. Thế gian, nhị thừa, phàm phu. 2. Xuất thế gian, thập tín đến thập địa. Giặc có hai loại: 1. Giặc cướp ở bên ngoài. 2. Kết sử phiền não ở bên trong. Hộ cũng có hai: 1. Bên ngoài thì quỷ thần bách bộ. 2. Bên trong là trí huệ. Hoặc ngoài, hoặc trong đều là chư Phật, Bồ-tát, quỷ thần; có thể hộ quốc độ của con người; cho nên gọi là phẩm hộ quốc. Lấy quán để quán pháp sinh diệt; là hộ đồng cư độ. Quán pháp vô sinh diệt là hộ hữu dư độ. Quán pháp vô lượng là hộ quả báo độ. Quán pháp vô tác là hộ tịch quang độ. Lại nữa, quỷ thần bách bộ thì hộ y báo quốc. Tu hành Bát-nhã thì hộ chánh báo quốc. Lại nữa, quỷ thần hộ là hộ mệnh!

Từ câu: “Bấy giờ, Phật bảo đại vương:...” là văn của phẩm, chia làm ba phần: 1. Bảo nghe, khuyến trì. 2. Rộng thích. 3. Nói về chúng đắc ích. Ở đây là phần một có thể tự hiểu. Từ câu: “Khi quốc độ sắp loạn...” là phần 2. Giải thích rộng về pháp hộ. Văn có ba phần: 1. Rộng thích về pháp hộ. 2. Dẫn xưa để chứng minh cho nay. 3. Kết, mách bảo khuyến trì. Văn phần một lại có ba phần: 1. Hộ quốc. 2. Hộ phước. 3. Hộ nạn. Phần hộ quốc lại có bốn phần: 1. Hộ thời. 2. Hộ pháp. 3. Hộ thể. 4. Hiến bày chỗ hộ nạn. Ở đây là phần một. Khi không có nạn thì tâm của vua không sợ hãi; có nạn mới sợ hãi; cho nên nói rõ về thời. Lấy thật hại làm sự thiêu đốt, vị tất là lúc bị hỏa tai! Từ câu: “Nên thỉnh trăm Phật...” là phần nói về pháp hộ. Văn có ba phần: 1. Nói về phước điền. 2. Nói về cúng dường. 3. Nói về túc thuyết. Văn phần một lại có ba phần: 1. Thỉnh hiền thánh; vì thân thật thì khó thấy; cho nên đặt hình tượng để biểu thị cho sự kính trọng.

Từ câu: “Chúng trăm Tỳ khưu...” là phần thỉnh chúng. Trời, rồng, người, quỷ là bốn chúng. Lại bốn chúng nữa là: đúng cơ, kết duyên, phát khởi, ảnh hưởng. Bảy chúng gồm năm chúng xuất gia: Tỳ khưu, Tỳ khưu ni, Sa di, Sa di ni, Thức xoa ma na và hai chúng tại gia: Thanh tín nam và thanh tín nữ... Từ câu: “Thỉnh trăm pháp sư...” là phần ba: Thỉnh sư giảng thuyết. Từ câu: “Trăm sư tử rống...” là phần nói về cúng dường. Văn có ba phần: 1. Phương pháp cúng dường: Đền, hoa, hương. Từ câu: “Ba y...” là phần hai: Cúng dường pháp sư. Gồm mười vật: Ba y là ba, bát là bốn, tọa cụ là năm, đao cạo là sáu, đao con là bảy, bao lọc nước là tám; đồ đựng nước là chín, ống kim là mười. Từ câu: “Tiểu phạm...” là

phần cúng dường cơm ăn. Từ câu: “Đại vương! Mỗi ngày hai thời...” là phần ba: Thuyết thời. Từ câu: “Trong quốc độ ông...” là phần nói rõ về năng hộ tức là hộ thể. Ngoại quốc có kim nhân tiên nhân. Trong nghĩa kinh thuyết về căn bản quý thân, có mười, mỗi loại mở ra mười thành trăm: 1. Đại thân. 2. Đồng tử thân. 3. Mẫu thân. 4. Phạm thân. 5. Nhận đầu thân. 6. Long thân. 7. Tu la. Sa thân. 9. Dạ xoa thân. 10. La thân. Từ câu: “Đại vương! Khi quốc độ loạn...” là phần thứ tư: Hộ nạn. Văn có ba phần: 1. Nạn quý và người thì có tám: 1. Quý loạn. 2. Dân loạn. 3. Giặc đến. 4. Trăm họ chết chóc. 5. Vua tội thị phi. 6. Trời đất quái dị. 7. Sao trời mất điều độ. 8. Mặt trời mặt trăng khác thường. Về nhị thập bát tú, theo phẩm nhiếp thọ của kinh đại tập nói: Bảy sao phương Đông là: Giác, cang, đế, phòng, tâm, vĩ, kỳ. Bảy sao phương Nam là: Tinh, quĩ, liễu, tinh, trướng, dực, chấn. Bảy sao phương Tây là: Khuê, lâu, vị, ngang, tất, tử, tham. Bảy sao phương Bắc là: Đẩu, ngư, nữ, hư, nguy, thất, bích. Từ câu: “Đại vương! Như hỏa nạn...” là phần hai nói về ba tai nạn. Từ câu: “Tất cả các nạn...” là phần ba. Đối trước nạn để làm sáng tỏ về hộ. Từ câu: “Đại vương! Không những chỉ hộ quốc...” là phần nói về hộ phước.

Hỏi: Người phú quý còn có thể bày biện được trăm tòa; người nghèo hèn thì làm sao?

Đáp: Nếu đúng với văn này thì lấy sự giảng kinh làm chính.

Từ câu: “Đại vương! Không chỉ hộ phước...” là phần nói về hộ các nạn gồm: Bốn trọng là dâm, đạo, sát, vọng. Năm nghịch là giết cha, giết mẹ, phá tạng, giết A-la-hán, làm Phật chảy máu. tám nạn: 1. Địa ngục. 2. Súc sanh. 3. Ngạ quỷ. 4. Trường thọ thiên. 5. Biên địa. 6. Các căn không địa. 7. Tà kiến. 8. Không gặp Phật.

Từ câu: “Đại vương! Xưa có vị vua...” là phần thứ hai; dẫn chuyện xưa để chứng minh cho nay. Văn có hai phần: Trước là dẫn cõi trời để chứng cho hộ quốc sau là dẫn chuyện vua người để chứng cho hộ thân. Đây là phần trước. Kinh Hiền Ngu nói: Ở đời quá khứ, có một nước lớn, vua tên là Thiện Trụ, trên đầu vua bỗng sinh một cái bọc, hình của nó như cái kén, sờ cũng không đau, về sau chuyển đổi to ra, liền thành một đồng tử, mặt mày đoan chánh, tóc đen nâu, thân màu vàng tía. Mời thầy tướng đến xem, biết là người có đức, sẽ làm thánh vương, thống lãnh bốn vực, nhân đó mà đặt tên là Đảnh Sanh. Tuổi càng lớn thì đức càng nổi rõ. Vua cha băng hà các vua tôi muốn Đảnh Sanh lên ngôi trị nước. Đảnh Sanh bèn đáp: Ta có phước, ứng với việc phải làm vua, thì cần phải có tứ Thiên Vương và Đế Thích đến nghi đón, khi đó ta mới



lên ngôi. Lập lời thề xong, thì bốn Thiên Vương đều có mặt, tay cầm bình báu, đựng đầy nước thơm, rưới lên đầu vua. Còn trời Đế Thích, thì cầm mũ báu, đến đội lên đầu vua. Từ đó vua tự do hưởng thụ năm dục ở Diêm phù đề. Trải qua tám vạn bốn ngàn năm, khi ấy thần Xạ đa từ đất vọt ra, thỉnh vua du chơi Đông Châu, trải qua tám ức năm. Rồi lại thỉnh du chơi Tây Châu trải mười bốn ức năm. Rồi lên tứ Thiên vương trải mười bốn ức năm. Trong ý lại muốn lên cung trời Đao Lợi, năm trăm tiên nhân giúp xe cùng bay lên trời, xa xa đã thấy thành vua, thành có một ngàn hai trăm cửa, chư thiên sợ hãi đều đóng hết các cửa lại. Binh chúng của Đảnh Sanh thẳng đến không bị trở ngại, nhờ thời bối khẩu đàn nên một ngàn hai trăm cửa cùng lúc tự mở. Đế thích ra tìm cùng gặp mặt nhau, tự thỉnh nhập cung, cùng chia tòa ngồi, thọ hưởng dục lạc trên trời. Đảnh Sanh lại ra thời bối khẩu cung, vậy là ác tâm đã phát, nhân đó mà bị đọa lạc, về sau bị ác bệnh, mệnh chung. Đế thích lúc ấy chính là Phật Ca Diếp bây giờ. Đảnh Sanh chính là ta đây. Nếu theo kinh này thì bấy giờ, Thiên Đế Như pháp bầy Phật, bày trăm tòa cao, mời trăm pháp sư giảng tụng kinh này, đảnh Sanh liền phải thối lùi.

Từ câu: “Đại vương! Xưa có vua nước Thiên La...” là phần hai dẫn vua người để làm chứng về việc hộ thân. Văn có hai phần: 1. Nói về việc gặp nạn. 2. Nói về việc có thể hộ nạn. Ở đây là phần một. Kinh Hiền Ngu nói: Xưa có vua Ba-la-ma-đạt, được bốn loại binh đưa vào núi săn bắn; gặp một con sư tử cái, vua cùng giao hợp. Sư tử cái có thai, đủ tháng đủ ngày, sinh một bé trai, toàn thân giống người, chân có đốm như mẹ. Sư tử ngậm con trai đem trả về ở cung vua; vua nhận làm con, đặt tên là Ban Túc. Ban Túc lên ngôi vua thường cúng dường cho một vị tiên nhân, hàng ngày thường ăn tịnh thực. Có một ngày, tiên nhân không đến cung vua, liền có thiên thần hóa thành tiên nhân, vào cung vua đòi ăn cá thịt! Sáng mai đúng thời, vị tiên nhân thật lại đến, vua cung phụng thịt cá. Tiên nhân nổi sân trách, nhân đó vậy mà khởi lời thề: “Về sau vua sẽ phải ăn thịt người trong mười hai năm!” Tiên nhân nói xong liền trở về núi. Sau đó, nhà bếp vì thiếu thịt, ra chợ mua cũng không có, thấy xác một đứa bé vừa chết, bèn lấy thịt đó làm món ăn cho vua, vua ăn thấy ngon, bèn hỏi nguyên do, nhà bếp đáp lại. Vua nói: Từ nay về sau, phải dùng loại thịt đó. Từ đó, nhà bếp thường bắt trẻ con giết, lấy thịt làm món ăn hàng ngày cung phụng cho vua. Người trong nước mất con, đi tìm mọi nơi, thấy nhà bếp của vua bắt con họ; họ bèn bắt trói nhà bếp. Người trong nước cáo lên vua, vua nói là ta sai bảo. Người trong nước đều cho vua là Đại tặc; đờn vua đi tắm ở trong hồ, bèn

phục binh bắt vua. Vua đã bị bắt, bèn bảo quốc dân: Mong tha ta một lần này, sau này sẽ không giết nữa! Quốc dân không chịu. Vua liền khởi nguyện: Nguyện ta ở kiếp sau sẽ tu các điều thiện, hồi hướng cho ngày nay. Ngược lại, nếu ta bị chết sẽ thành La sát ăn thịt người! Nói xong, liền ẩn trong không, hô lên rằng: Từ nay về sau, sẽ ăn thịt vợ con yêu của các người! Mọi người nghe đều bỏ chạy. Từ đó có nhiều La sát theo hầu, đồ chúng La sát càng lúc càng đông, hại người càng nhiều. Thời gian sau đó, các La sát lại nói: Bọn ta từ nay làm tôi cho vua, nay vua phải ra lệnh vì bọn ta bắt ngàn vua để thiết một đại hội. Ban Túc đồng ý, cho quân đi bắt từng vị vua, khi đã bắt được chín trăm chín vị vua, vì còn thiếu một vị, không thể làm hội được! Các vị vua bị bắt cùng nhau bàn rằng: Bọn ta ngày nay hết cách thoát! Nếu bắt được vua Tu đà tố, vì vua Tu-đà-tố có phương tiện lớn, sẽ có thể cứu được mạng của bọn ta! Nghĩ cách ấy rồi, bèn bạch với Ban Túc: Vua muốn làm hội, chỉ có vua Tu-đà-tố là có đại danh đức. Nếu có được vị vua đó, thì hội mới được viên mãn. Tức thời, vua La sát liền đi bắt ngay. Khi đó, vua Tu đà tố đang ra khỏi thành hướng đến vườn để vào hồ tắm rửa, thấy một người ăn xin đã hứa cho, nhưng gặp vua bắt đến đây, làm ta không thực hành được lời hứa. Vì vậy mà buồn thối, mong vua thả ta bảy ngày để bố thí đạo nhân. Ban Túc đồng ý. Vua trở về bố thí đạo nhân bảy ngày. Lúc ấy có Bà-la-môn vì vua mà thuyết kệ giống với kinh này, vua nghe xong hoan hỷ, liền lập Thái tử lên ngôi thay mình rồi chia tay, đến nhận cái chết. Vua Ban Túc nói: Ông nay đến nhận cái chết, sao lại hoan hỷ? Tu đà đáp: Đại vương ơn đức rộng lớn, thả tôi bảy ngày bố thí đạo nhân nghe pháp vi diệu, tâm tự khai mở, nguyện của tôi vậy là đã thỏa mãn. Ban Túc hỏi: Ông nghe pháp gì? Tu đà bèn vì Ban Túc mà tuyên thuyết diệu pháp, rồi còn thuyết về tội báo sát sanh. Ban Túc nghe xong, bèn thả Tu-đà và các vị vua trở về nước họ. Vua Tu-đà thời đó là thân Ta đây. Vua Ban Túc là ương Quạt Ma la này vậy!

Từ câu: “Vua phổ minh...” là phần hai, nói về năng hộ nạn. Văn có ba phần: 1. Xin tu phước để giải. Từ câu: “Vua Ban Túc...” là phần hai: Nghe xong đồng ý. Từ câu: “Thời, phổ minh...” là phần ba nói về chánh hộ nạn. Văn có hai phần: 1. Hàng dài là theo giáo xin hộ. 2. Thuyết kệ gia hộ. Văn lại có hai phần: 1. Thuyết kệ. 2. Hộ ích. Phần đầu kệ gồm tám hàng, chia làm bốn phần: phần một gồm hai hàng: Thuyết về lý vô thường. Căn tượng là thiên, thiên thì hành kiện, kiện thì không ngừng. Khôn là tượng cho thuận; khôn thuận theo bốn thời. Hai nghi tức là trời và đất. Từ câu: “Sinh lão bệnh tử...” là phần thuyết về lý khổ. Dục là

tập, họa là khổ. Khổ và tập thành cục lở loét, tức là tự thân và tâm, chứ chẳng lẽ là ở bên ngoài!? Từ câu: “Có gốc tự không...” là phần thuyết về lý không. Từ câu: “Thức thân vô hình...” là phần thuyết về lý vô ngã. Từ câu: “Bấy giờ, pháp sư...” là phần nói về người nghe được hộ ích. Văn có ba phần: 1. Nghe pháp đắc ích. Pháp nhãn không, tức là nhân không. Hư không đẳng định, tức là pháp không. Từ câu: “Nghe pháp ngộ giải...” là phần nói về vua chuyển giáo. Từ câu: “Thời, vua Ban Túc hỏi...” là phần các vương ngộ đạo. Văn có hai phần: 1. Đắc đạo. 2. Thả vua. Văn phần một có hai phần: Trước nói về Ban Túc đắc đạo. Từ câu: “Chín trăm chín chín vua...” là phần tiếp theo nói các vua đắc đạo. Từ câu: “Thời, vua Ban Túc cực đại Hoan hỷ...” là phần thả các vua. Văn có ba phần: 1. Thả vua. Từ câu: “Mỗi vị vua...” là phần hai: Khuyến tu. Từ câu: “Thời, vua Ban Túc đem nước giao cho em trai...” là phần ba Nhập đạo.

Từ câu: “Như trong kinh Thập vương...” là phần thứ ba kết chỉ bày khuyến trì. Văn có hai phần: 1. Kết, chỉ bày. 2. Từ câu: “Đại vương!...” là khuyến trì. Từ câu: “Trên trời, trong người, ...” là phần khuyến sáu đạo. Từ câu: “Trong đời vị lai...” là phần khuyến các tiểu vương.

Từ câu: “Bấy giờ, Thích Ca...” là phần thứ ba, nói về thời chúng đắc ích trong văn có hai phần: 1. Sáu ích. 2. Lược kết. Điều đã rõ. Đắc nhập sơ địa tức là sơ tâm địa thập tín thuộc Viên giáo. Tính không là thập trụ. Một tâm ba quán, quán tính của vô minh là không. Vô sinh pháp nhãn tức thập hạnh. Vô sinh pháp lạc nhãn tức thập hồi hương. Mười tam muội tức mười nhất thiết nhập. Ba tam muội tức là tam muội của ba đế chơn, tục và trung; cũng là không, vô tướng... Tự tính tín là Thanh văn Thông giáo. Vô lượng không tín là chi Phật thuộc Thông giáo.

Từ câu: “Ta nay lược nói...” là phần lược kết.

-----

## PHẨM THỨ SÁU: TÁN HOA

Là chương lớn thứ ba: Báo ơn cúng dường cho nên có phẩm Tán Hoa. Hoa tiêu biểu cho cái nhân. Rải cho Phật tiêu biểu cho hành từ nhân cho đến quả. Văn của phẩm này gồm có ba phần: 1. Rải hoa cúng dường. 2. Hiện thông lợi ích. 3. Khen giáo khuyên trì. Văn phần một lại có ba phần: 1. Nghe kinh khuyên trì. 2. Rải hoa cúng dường. 3. Các vua phát nguyện. Văn phần một lại có ba phần: 1. Người nghe kinh có thể hiểu. Từ câu: “Nghe Phật thuyết...” là phần hai: pháp được nghe. Kinh này có ba chỗ thuyết kệ khác nhau: 1. Trong phẩm nhị đế thuyết tám trăm vạn ức kệ. 2. Cuối phẩm hộ quốc thuyết tám ngàn ức kệ. Kệ thứ nhất ở phẩm nhị đế thì hợp thuyết cả ba thời số. Kệ thứ hai ở phẩm hộ quốc, thì dẫn riêng Phật quá khứ thuyết. Kệ trong phẩm này, thì nói rõ là Phật hiện tại thuyết. A-nan quán cơ, lược kết như vậy. “Hoan hỷ vô lượng” là phần ba: Kết: Hoan hỷ. Từ câu: “Tức rải hoa trăm vạn” là phần thứ hai: Rải hoa cúng dường. Văn có ba phần: 1. Hoa hạnh. 2. Hoa Bát-nhã. 3. Hoa diệu giác. Ba thứ hoa này là tiêu biểu cho ngôi vị thuộc Biệt giáo. Đầu tiên; hoa hạnh là tiêu biểu cho ngôi vị ba hiền. Hoa Bát-nhã là tiêu biểu cho ngôi vị thập địa. Hoa diệu giác là tiêu biểu cho ngôi vị Phật địa.

Văn phần đầu có bốn phần: 1. Vua rải hoa. 2. Từ câu: “Ở trong không trung...” hoa biến làm tòa. 3. Từ câu: “Chư Phật mười phương...” là phần ba nói về hóa Phật thuyết pháp. 4. Từ câu: “Vô lượng đại chúng...”; hóa chúng rải hoa.

Từ câu: “Lại rải tám vạn ức...” là phần thứ hai nói về rải hoa Bát-nhã. Văn có bốn phần: 1. Nói về rải hoa. Từ câu: “Ở trong hư không...” là phần hai, nói về hoa biến thành đài. Từ câu: “Trong đài sáng sửa...” là phần ba: Hóa Phật thuyết pháp. Từ câu: “Trong đài đại chúng...” là phần bốn nói về hóa chúng rải hoa.

Từ câu: “Lại còn rải hoa diệu giác...” là phần ba, nói về rải hoa diệu giác. Văn có bốn phần: 1. Rải hoa. Từ câu: “Ở trong hư không...” là phần hai, hoa biến làm bờ thành; thành tức là Niết-bàn. Từ câu: “Sư tử hống trong thành...” là phần ba; hóa Phật thuyết pháp tức Bồ-tát trong Viên giáo thuyết pháp ở trong biệt. Từ câu: “Thời, Bồ-tát trong thành...” là phần bốn: Hóa Bồ-tát rải hoa.

Từ câu: “Thời, chư Quốc vương...” là phần ba; nói về các vua phát nguyện. Văn có hai phần: 1. Vua phát nguyện thì đã rõ. Từ câu: “Phật bảo đại vương...” là phần hai: Như Lai thuật thành. Chư Phật mẫu tức là

Thật tướng Bát-nhã. Bồ-tát mẫu tức là Quán chiếu Bát-nhã. Thần thông tức là Văn tự Bát-nhã. Văn tự có thể phát trí tuệ. Trí tuệ sinh ra thì thần thông phát. Kinh kim cang nói: Tất cả chư Phật và các pháp của chư Phật đều từ kinh Bát-nhã này sinh ra.

Từ câu: “Thời, Phật vì vua...” là phần hai: Phật hiện thần biến khiến chúng được ích. Văn có hai phần: Trước là hiện biến, sau là đắc ích. Văn phần trước có ba phần: 1. Nêu lên chương, số. Âm, dương khó lường gọi là thần. Chuyển đổi thường tướng gọi là biến. Tâm không thể nghĩ suy, miệng không thể nói bàn, là thần lực của Phật. Từ câu: “Một hoa nhập vào vô lượng hoa...” là phần hai; nêu riêng biệt: 1. Hoa. 2. Phật độ. 3. Tu di. 4. Phật thân. 5. Nhập bốn đại. Văn đã nói rõ.

Hỏi: Núi thì lớn, hạt cải thì nhỏ sao lại có thể nhập vào được?

Đáp: Có người nói: Nhờ thần lực của Phật mà nhập vào. Lại có người nói: Núi và hạt cải, cả hai đều như như, cho nên cùng nhập vào nhau. Lại có người nói: Tam giới duy tâm. Tâm dụ cho hạt cải. Núi dụ cho tam giới. Tâm có thể tạo ra giới, cho nên gọi là nhập. Có người nói: Núi và hạt cải đều vô pháp, vô tính, không không, cho nên cùng nhập vào nhau. Ở đây cho rằng: Nếu lấy không để giải thích, một đã không, thì tất cả đều không! Núi và hạt cải đều không. Mà không thì có thể tương nhập với nhau. Một giả tạm thì tất cả đều giả tạm; núi và hạt cải đều giả tạm. Đã là giả tạm cho nên luận là tương nhập với nhau. Một đã trung, thì tất cả đều trung. Núi và hạt cải đều trung; đã là trung cho nên luận là tương nhập với nhau. Không thì trừ kiến tư; tức là Bát-nhã. Giả tạm thì trừ vô tri; tức là giải thoát. Trung thì trừ vô minh; tức là pháp thân. Tức một mà ba. Tức ba mà một. Như trời ba mắt, không ngay không dọc, gọi là bất tư nghị một.

Từ câu: “Phật thân bất khả tư nghị...” là phần kết tán.

Từ câu: “Khi Phật hiện thần tức...” là phần thứ hai, nói về thời chúng đắc ích. Trong văn có bốn ích: 1. Đắc Phật hoa định. Tức là hoa tạng pháp giới định. Từ câu: “Mười hằng hà...” là phần hai; đắc ích thành Phật. Từ câu: “Ba hằng hà sa...” là phần ba: Đắc ích thành Bồ-tát. Từ câu: “Mười ngàn...” là phần bốn; đắc thần thông tam muội.

Từ câu: “Thiện nam tử!...” là phần ba: Thán giáo khuyến tu.

-----

## PHẨM THỨ BẢY: THỌ TRÌ

Chương lớn thứ tư, mở rộng tướng mạo của kinh. Thọ trì đại luận nói: Nhờ tín lực, nghe mà phụng hành gọi là thọ. Nhờ niệm lực, nhớ lâu không quên mất gọi là trì. Trong phẩm này, phần chính là nói rõ về mười ba pháp sư thọ trì Bát-nhã; lại còn khiến cho người khác thọ trì; cho nên gọi là phẩm thọ trì.

Từ câu: “Bấy giờ, Nguyệt Quang...”. Văn có ba phần: 1. Hỏi đáp việc cần phải thọ trì. 2. Khuyên các vua thọ trì. 3. Chúng ích đạt được. Văn phần đầu có hai phần: 1. Nguyệt Quang thỉnh. 2. Như Lai đáp. Văn phần một lại có hai phần: 1. Nghi niệm. 2. Chánh thỉnh. Trong phần nghi niệm ba Phật: 1. Thấy Thích Ca hiện thân, tức pháp thân. 2. Hiện đầy báu, tức báo thân. 3. Thấy ngàn Phật trên hoa, tức hóa thân.

Hỏi: Vì sao biết được vậy?

Đáp: Phổ Hiền quán nói: Thích ca mâu ni Phật gọi là Tỳ-lô-giá-na. Kinh Hoa Nghiêm nói: Cũng gọi là Thích ca, cũng gọi là Xá-na. Đại kinh nói: Thân Ta ở đây tức là pháp thân. Lô-xá-na; tiếng Hoa gọi là Tịnh nhãn; tịnh tức là báu.

Hỏi: Kinh Phạm Võng nói: Xá na làm bốn; sao ở đây lại nói Thích ca làm bốn?

Đáp: Kinh Phạm Võng làm sáng tỏ về Tích bốn; còn kinh này thì làm sáng tỏ về bốn tích. Bốn và tích tuy khác nhau nhưng là bất tư nghị một.

Hỏi: Kinh này và phẩm bảo tháp của kinh Pháp Hoa, khác nhau như thế nào?

Đáp: Có giống, có khác! Giống nhau là đều nói Thích ca làm bốn. Khác nhau là kinh này mang thêm phương tiện; còn Pháp Hoa thẳng thừng xả bỏ phương tiện.

Từ câu: “Bạch Phật rằng: Như vậy...” là phần hỏi chính. Văn có hai phần: 1. Tán. Không thể dùng miệng để thuyết pháp môn này, không thể dùng trí thức để biết pháp môn này. Từ câu: “Làm thế nào để các thiện nam tử...” là phần hai: Xin thỉnh không, tức là trí tuệ Bát-nhã; nhờ trí tuệ này mà có thể đạt được thần thông biến hóa. Tất cả chúng sanh không biết xin Phật khai phát cho!

Từ câu: “Đại mâu ni...” là phần Như Lai đáp. Ý trả lời chỉ là dùng Bồ-tát, trên thì cầu, dưới thì hóa làm lời giải nói mới đắc được đạo này. Khai mở về không, thì có rất nhiều; lược nói thì có ba loại: Nếu sắc tức là không, thì khai mở nhất tiết trí. Không tức là sắc thì khai mở đạo

chúng trí. sắc và không không hai, thì khai mở Nhất-thiết-chủng-trí. Sắc nếu bất không, thì bị kiến - tư - hoặc. Không nếu bất sắc, thì bị vô tri hoặc. Bất được trung đạo thì bị vô minh hoặc. Cả ba đều là môn. Cứ như vậy mà ba quán thì ba trí khai mở. Đại khái là như vậy. Về văn có ba phần: 1. Nêu chung. 2. Giải thích riêng. 3. Tổng kết. Văn phần một lại có ba phần: 1. Nêu văn, thì đã rõ. Từ câu: “Tự tập nhẫn...” là phần tiếp theo: Kể riêng. “Y” là y chỉ. “Trì” là nhiếp trì. Ý nói pháp làm nơi y chỉ cho chúng sanh, nương vào đó mà kiến lập chánh pháp. Từ câu: “Đại chúng các ông...” là phần ba; khuyên cúng dường.

Từ câu: “Thiện nam tử! Pháp sư đó...” là phần hai; giải thích riêng mười ba pháp sư. Ở đây là phần một. Tập chủng tính pháp sư; văn có năm phần riêng biệt: 1. Nêu ngôi vị. 2. Biện về sai biệt. 3. Hạnh nghiệp.

4. Làm rõ sự hơn kém. 5. Thời tiết nhập ngôi vị. Đây là phần một. Pháp sư thứ nhất, tập chủng tính; là phần nêu ngôi vị. Từ câu: “Nếu tại gia...” là phần hai, biện về sai biệt. Bà-sai tức là Ưu-bà-tắc. Ưu Bà-sai tức là Ưu-bà-di. Từ câu: “Tu hành thập thiện...” là phần ba: Hạnh nghiệp. Văn có ba phần; phần đầu là tu hạnh thập thiện. Nói thập thiện tức là mười tám tâm. Từ câu: “Tự quán thân mình...” là phần hai là tu hạnh bất tịnh.

Đầu tiên là quán sáu đại; tiếp đó là quán các căn, sau cùng là quán ba cõi. Năm tình tức là năm thức. Năm thọ là khổ, lạc, ưu, hỷ, xả. Từ câu:

“Trụ ở nhà Phật...” là phần ba: Sinh ở nhà Phật, thực hành sáu sự hòa kính. Từ câu: “Thiện nam tử! Tập nhẫn...” là phần bốn: nêu sự so sánh hơn kém. Trước nêu kém, sau so với hơn. Văn có hai phần: 1. Trước giải

thích ngôi vị kém; pháp dụ hợp thì đều đã rõ. Từ câu: “Tuy thực hành cả mười ngàn kiếp...” là phần thông cả phục nạn. Văn nói là có thối có tiến. Từ câu: “Nhưng không thể danh tự...” là phần giải thích. Thông thì có ba nhưng không thể danh tự; cho nên có thối. Từ câu: “Là người định...” là phần hai, hiển bày ngôi vị hơn đó. Văn có hai phần: 1. Nói rõ

về cái đắc. Nghĩa là Bồ-tát thập trụ; đầu tiên chứng lý sinh không, đạt được tính thánh nhân; cho nên gọi là định. Khác với thập tín trước là bất định. Vì thập tín thì chưa hiểu chỉ thuần tu giả nhập không quán. Từ câu: “Tất nhiên không khởi năm nghịch...” là phần hai nói về lỗi lầm.

Văn có bốn phần: 1. Không khởi năm nghịch. 2. Không làm sáu trọng.

3. Không làm hai mươi tám khinh. 4. Không chê bai kinh điển Phật

pháp. Sáu trọng theo như phẩm thọ giới, quyển thứ tư kinh Ưu-bà-tắc

giới nói: 1. Sát. 2. Trộm cắp. 3. Dâm. 4. Vọng ngữ. 5. Nghiện rượu. 6. Nói những lỗi lầm của bốn chúng xuất gia, tại gia. Hai mươi tám khinh

cũng như kinh Ưu-bà-tắc nói: 1. Không cúng dường cha mẹ, sư trưởng.

2. Chuyên uống rượu. 3. Không thấy bình khổ. 4. Không thể ít nhiều xả thí. 5. Gặp bốn chúng không nghinh đón lễ bái. 6. Thấy bốn chúng hủy giới, tâm sinh ra kiêu mạn. 7. Mỗi tháng không thể thọ trì tám giới cúng dường tam bảo. 8. Trong khoảng bốn mươi dặm, có giăng nhưng không đến nghe. 9. Dùng ngọc cụ, sàng tọa của chiều đề tăng. 10. Nghi nước có trùng mà cứ uống. 11. Đi một mình nơi chỗ hiểm. 12. Trụ đêm một mình ở chùa ni. 13. Vì tiền, tánh mệnh mà đánh mắng nô tì. 14. Dùng đồ ăn dư thừa mà thí cho bốn chúng. 15. Nuôi mèo, hồ ly. 16. Nuôi những súc sinh như voi, ngựa..., không tịnh thí những người chưa thọ giới. 17. Tích chứa áo, bát... 18. Vì thân mà làm ruộng. 19. Buôn bán ở chợ cân đo không đúng. 20. Chẳng đúng thời mà hành dục. 21. Không đóng thuế vua. 22. Phạm luật nhà nước cấm. 23. Được trái cây món ăn mới, không cúng tam bảo. 24. Tăng không còn muốn nghe thuyết pháp nhưng cứ tự nói. 25. Trên đường đi, giành đi trước tất cả người xuất gia. 26. Giờ ăn trưa của tăng, biến vì sư trưởng. 27. Nuôi tầm. 28. Trên đường đi, gặp người bệnh không dừng lại xem, hỏi han thế nào, mà bỏ đi! Từ câu: “Kinh thư Phật pháp...” là phần bốn: Không chê bai kinh điển Phật pháp; nói đó chẳng phải là Phật nói! Từ câu: “Có thể dùng một A-tăng-kỳ...” là phần năm, nói về thời tiết nhập ngôi vị. Không thể biết được số ngày tháng năm. Cho nên bảo là A-tăng-kỳ. Tăng già đà vị tiếng Hoa gọi là “ly trước”.

Từ câu: “Lại nữa, tính chủng...” là phần thứ hai, nói về tính chủng tính. Văn có ba phần: Nêu vị. Mới bắt đầu học gọi là tập. Tập quen rồi thành tính; cho nên gọi là tính chủng tính.

Từ câu: “Hành mười tuệ quán...” là phần biện về những sai biệt. Mười tuệ quán là: Bốn niệm xứ; ba thiện căn và ba đời quán là mười. Như trong phẩm giáo hóa có nói: Diệt mười điên đảo nghĩa là: Bốn niệm thì trừ bốn đảo; ba thiện thì trừ ba độc; quán ba đời thì trừ bỏ sự chấp chặt vào ba đời. Ngã, nhân, tri kiến, là giả lập theo pháp nhưng chẳng phải là thật. Vô định căn; là pháp ngã không có một trụ xứ tướng chắc chắn. Vô tự tha tướng, là tự ta không có cái thể, mà trên mặt tướng cũng không có. Từ câu: “Dùng hai A-tăng-kỳ kiếp...” là phần ba, nói về thời tiết nhập vị. Ba la đà vị, tiếng Hoa gọi là Thủ hộ. Bồ-tát thập hạnh, hạnh đó kiên cố, không mất tự tính. Bởi có thể từ không nhập giả, không bị giả nhiễm, có thể thủ tự hạnh.

Từ câu: “Lại nữa, đạo chủng...” là phần thứ ba, nói rõ về Bồ-tát mười hồi hướng. Văn có ba phần: Nêu vị. Nhờ tu trung đạo chánh quán cho nên bảo là đạo chủng tính. Từ câu: “Trụ trong kiên nhẫn...” là phần



hai; biện về sai biệt. Văn có hai phần: Trước là nói về quán sai biệt. Quán thọ năm ấm, đắc năm phần pháp thân. Quán ba cõi, đắc ba không. Quán hai đế đắc hai nhãn là vô thường và vô sinh. Đệ-nhất-nghĩa-đế thứ mười, tức vô sinh trung đạo không. Từ câu: “Mà thọ sinh ba cõi...” là phần thọ báo thù thắng. Văn có ba: Nêu. Đã hiểu. “Vì sao?” là phần trưng. Tâm đã tịch diệt, sao lại còn thọ sinh? Từ câu: “Quả báo tập nghiệp...” là phần giải thích. Do chưa chứng sơ địa; không đoạn dứt sự hun đúc bởi vô minh kiến và ái vẫn còn; cho nên đắc sinh. Từ câu: “Lại còn ba A-tăng-kỳ...” là phần thời tiết nhập vị. Đến lúc tu đủ thời thì mới đắc sơ địa. Song chiếu hai đế, cho nên bảo là Bát trí. Chánh tức là chứng sơ địa; đó là trong nhân mà thuyết về quả.

Từ câu: “Lại nữa, thiện giác...” là pháp sư thứ tư. Văn có năm phần: Phần một: Nêu vị. Văn đã rõ. Từ câu: “Trụ bình đẳng nhãn...” là phần hai biện về tu hành sai biệt. Văn có hai phần: 1. Nói về hai trí làm tướng. 2. Hiển bày hai trí đồng dị. Văn phần một lại có hai phần: Trước nêu chương, sau giải thích riêng. Bình đẳng nhãn tức là thật trí. Song chiếu hữu và vô nhưng không bị nhiễm. Tứ nhiếp tức là nêu phương tiện trí. Từ câu: “Nhập vô tướng xả diệt...” là phần giải thích riêng. Văn có hai phần: Trước là giải thích về thật tướng trí sau là giải thích về phương tiện trí. Văn phần trước lại có ba phần: 1. Nêu chung. 2. Giải thích riêng. 3. Nói rõ về ly tướng. Ở đây là phần đầu văn đã rõ. Từ câu: “Với Đệ-nhất-nghĩa-đế...” là phần giải thích riêng. Văn có ba phần: Phần một: Pháp tính vô vi cũng gọi là hư không.

Từ câu: “Vô vi duyên lý mà diệt...” là phần hai, nói về trạch diệt vô vi. Phật chơn trí diệt tất cả kết, vô tướng, vô vi. Từ câu: “Khi sơ trụ nhãn...” là phần ba nói về phi trạch diệt vô vi đó là các pháp vô tướng. Từ câu: “Vô tướng vô vi...” là phần ba, nói về ly hai tướng hữu và vô từ câu: “Vô lượng phương tiện...” là phần thứ hai, hiển bày phương tiện trí. Văn có hai phần: 1. Nêu văn đã rõ. Từ câu: “Thật tướng phương tiện...” là phần giải thích. Có sáu loại phương tiện: Thật tướng phương tiện; biến học phương tiện; hồi hướng phương tiện tự tại phương tiện, nhất thừa phương tiện; biến hóa phương tiện. Từ câu: “Như vậy! Thiệt nam tử...” là phần giải thích lại hai trí đồng dị. Văn có ba phần: 1. Kết tướng khác nhau ở trên: trước làm sáng tỏ về tướng của thật trí. Mới bắt đầu biết về trung đạo cho nên bảo là sơ giác trí. từ câu: “Xảo dụng bất chứng...” là tướng của phương tiện trí. Từ câu: “Thí như...” là phần nêu dụ để hiển bày cái sai, làm sáng tỏ không một không hai; mà mỗi một hành đều thành tựu. Nghĩa là ba minh hành thành tựu. Nhờ đắc tức

không, tức giả, tức trung. Một hạnh vô lượng hạnh; vô lượng hạnh một hạnh; cho nên bảo là thành tựu. Từ câu: “Nhờ đắc bốn A-tăng-kỳ...” là phần thứ ba, nói về thời tiết. Chứng sơ địa thí thành tựu, cho nên bảo là nhập công đức tạng môn. Từ câu: “Không có nghiệp của ba cõi...” là phần tiếp theo, nói về sinh tịnh độ; tức là phương tiện hữu dư và cõi nước các thật báo. Từ câu: “Thường tu xả quán...” là phần thứ năm lên ngôi vị. Nhờ tu xả, cho nên thí Ba-la-mật được đầy đủ. Cứu ma la già, tiếng Hoa gọi là thắng oán; nhờ lìa ba cõi và lìa nhị thừa oán. “Bốn bảo tạng”; thì có người cho rằng: Đó là ba tạng và tạp tạng. Ở đây theo kinh thắng man: 1. Vô giá tạng Bồ-tát thừa. 2. Thượng giá tạng Duyên giác thừa. 3. Trung giá tạng Thanh văn thừa. 4. Hạ giá tạng thiên nhân thừa. Vả lại, bốn nhiếp cũng là bốn tạng.

Từ câu: “Lại tiếp nữa, đức huệ...” là pháp sư thứ năm. Văn có ba phần: 1. Nêu vị; đó là thi la thanh tịnh và tuệ đều sinh. Trụ ở ba đức, cho nên gọi là đức tuệ. Từ câu: “Nhờ bốn vô lượng tâm...” là phần biện về quán sai biệt. Văn có ba phần: 1. Nói về địa biệt hạnh. Vì muốn đối trị các phiền não thuộc sân,... cho nên tu bốn vô lượng tâm. Từ câu: “Diệt sân thuộc ba hữu...” là phần nói về trừ chướng. Theo tông Tát bà đa, thì sân chỉ ở Dục giới. Theo tông Thành thật, thì sân thông cả ba cõi. Theo phẩm thí dụ trong kinh Pháp Hoa, thì trung, thượng cũng có sân. Từ câu: “Trụ trong trung nhẫn...” là phần vị phân đều; thuận nhẫn trung phẩm. Từ câu: “Dùng năm A-tăng-kỳ...” là phần thời tiết nhập vị. Xà-đà-ba-la, tiếng Hoa gọi là Mãn túc, cũng gọi là vô úy. Bởi Thi la được viên mãn. Từ câu: “Lại tiếp nữa, minh tuệ...” là pháp sư thứ sáu. Văn có ba phần: “1. Nêu vị. Đắc nhẫn thành tựu cho nên gọi là minh tuệ. Từ câu: “Thường dùng vô tướng...” là phần biện về quán. Văn có ba phần: 1. Nói về địa biệt hạnh: Biết ba đời rộng không là ba minh quán. Tận hết phiền não si thuộc ba cõi là phần hai, nói về trừ chướng. Từ câu: “Đắc ba minh...” là phần ba nói về vị mãn túc. Từ câu: “Thường dùng sáu A-tăng-kỳ...” là phần ba nói về thời tiết nhập vị. Già la đà, tiếng Hoa gọi là độ biên; độ qua bờ si.

Từ câu: “Lại nữa, nhĩ diễm...” là pháp sư thứ bảy. Văn có ba phần: 1. Nêu. Nói nhĩ diễm, tiếng Hoa gọi là trí mẫu; nghĩa là, trong địa này có thể sinh thiên trí; cho nên bảo là trí mẫu. Từ câu: “Tu hành thuận pháp nhẫn...” là phần nói về địa biệt hạnh. Văn có ba phần: 1. Nêu trụ vị. Nói Tu đà hoàn là mượn nhỏ mà gọi cho lớn. Năm kiến; tức là năm lợi sử. Từ câu: “Thường dùng thiên nhân...” là phần khởi thông. Vì chưa đủ lậu tận, cho nên chỉ nói là năm. Từ câu: “Ở trong mỗi một niệm...”

là phần diệt chướng; nghĩa là vị này phối với sơ quả, cho nên diệt năm kiến. Lại cũng là biệt nhập thông ý. Từ câu: “Cũng dùng bảy A-tăng-kỳ...” là phần thời tiết nhập vị.

Từ câu: “Lại tiếp nữa, thắng đạt...” là pháp sư thứ tám. Văn có ba phần: 1. Nêu vị. Thân tu thiền định, nên đắc thân thông, đạt sắc tâm pháp; cho nên gọi là thắng đạt. Từ câu: “Đối với thuận đạo nhãn...” là phần nói về biệt hạnh trong địa. Văn có ba phần: 1. Đắc vô úy quán. Thông đạt năm tướng tức là Nhất-thiết-trí vô úy. Diệt các phiền não si trong ba cõi tức lậu tận vô úy. Biết những thứ xuất ra ở mỗi địa, tức là thuyết tận khổ đạo vô dị. Có những thứ không xuất ra, tức là thuyết chướng đạo vô úy. “Nghịch ba cõi nghi” là phần trừ chướng. Từ câu: “Tu tập vô lượng công đức...” là phần nhập vị phân đều cũng là mượn nhỏ để nói lớn. Từ câu: “Lại còn tập hạnh nhập A tăng ...” là phần tu hành phân đều.

Từ câu: “Lại tiếp nữa, thường hiện chơn thật...”; là pháp sư thứ chín. Văn có ba phần: 1. Nêu vị: Trung đạo chơn minh Bát-nhã thật, cho nên thường hiện chơn thật. Từ câu: “Trụ thuận nhãn trung...” là phần biệt hạnh. Tất cả phiền não là nhân của tập. Các khổ là nghiệp của tập. Trong địa này đều hết sạch. Các pháp vốn không, cho nên là phi hữu. Kiến lập các pháp, cho nên là phi vô. Vô và hữu đều là thật; cho nên là một tướng. Thật tướng cũng là như, cho nên là vô tướng. Từ câu: “Lại ở chín A tăng...” là phần thời tiết nhập vị. Lạc lực; tức là nguyện lực.

Từ câu: “Lại tiếp nữa, Huyền Đạt Bồ-tát...” là pháp sư thứ mười. Văn có ba phần: 1. Nêu vị. Huyền Đạt là Đạt Thông. Ngôi vị này đắc vô sinh nhãn; vô công dụng tâm, cho nên bảo là Huyền Đạt. Từ câu: “Mười A tăng...” là phần thời phân nhập vị. Diệt phiền não tập trong ba cõi; trụ địa thứ mười, tức là pháp sư địa thứ mười trong mười ba pháp sư, chẳng phải là Bồ-tát địa thứ mười. Từ câu: “Thường hành ba không nên...” là phần biện về quán sai biệt. Bởi thực hành ba không quán, là mở rộng ba pháp tạng của Phật.

Từ câu: “Lại tiếp nữa, bậc Đẳng giác...” là pháp sư thứ mười một. Văn có ba phần: 1. Nêu vị. Thực hành trong địa, chơn và tục song chiếu, gọi là bậc đẳng giác. Cũng chẳng phải là Đẳng giác của địa thứ mười một. Từ câu: “Trụ vô sinh...” là phần nói rõ về quán sai biệt. Văn có ba phần: 1. Quán hữu và vô lại là hai; trước tiên là phối vị. Từ câu: “Quán tâm tâm...” là phần biện chính về quán hữu, vô. Văn có ba phần: 1. Biệt thích. Văn lại có hai phần: 1. Tịch mà thường dụng: Tâm tâm tịch diệt; là niệm niệm không. Tức nói rõ về nghĩa của tịch. Tuy vô tướng mà

tướng. Tuy vô thân mà thân. Tuy vô tri mà tri. Đó là nghĩa của dụng. Từ câu: “Mà dụng tâm...” là phần nói về dụng mà thường tịch. Từ câu: “Ở tại hữu thường tu không...” là phần thích hữu và vô. Tại hữu mà tu không, là giải thích dụng mà thường tịch ở trên. Hữu không thường vạn hóa, là giải thích tịch mà thường dụng ở trên. Bởi song chiếu tất cả pháp” đó là phần song kết. Từ câu: “Biết xứ ấy chẳng phải là xứ ấy...” là phần nói về thập lực quán. Chỉ một hạnh sau cùng là lược bỏ. Lên ngôi vị Ma-ha-la-già, hóa tất cả chúng sinh ở các quốc độ” là phần thứ ba, nói về đẳng vị sai biệt. Ma-ha-la-già, tiếng Hoa gọi là đại đấng; hoặc gọi là long tượng. Từ câu: “Ngàn A tăng...” là phần nói về thời tiết tu hành.

Từ câu: “Lại tiếp nữa, tuệ quang...” là pháp sư thứ mười hai. Văn có ba phần: 1. Nêu vị. Nhờ địa này mà Bồ-tát đắc vô ngại trí. Hóa các chúng sanh, hiện các thần thông; gọi là tuệ quang thần biến. Từ câu: “Trụ thượng thượng...” là phần nói về quán sai biệt. Văn có bốn phần: Ở đây là phần một: Phối vị. “Diệt tâm tâm tướng”; là phần hai, nói về diệt tâm; diệt các ý gọi là diệt tâm. Diệt tâm số gọi là diệt tướng. Từ câu: “Pháp nhãn kiến...” là phần ba, nói về kiến cảnh. Pháp nhãn thấy tất cả pháp, tức sáng tỏ sự riêng biệt. Ba nhãn sắc không kiến, là sáng tỏ chung. Ba nhãn; là Phật nhãn, pháp nhãn, tuệ nhãn. Tuệ nhãn thì thấy sắc không. Pháp nhãn thấy sắc là giả tạm. Phật nhãn là thấy trung đạo. Không và giả là không hai mà hai, hai mà không hai! Song chiếu tức là không hai mà hai. Song vong tức là hai mà không hai. Nêu ba nhãn để đối hai cảnh sắc. Một chữ kiến là để làm sáng tỏ chung về sự sai biệt của ba kiến. Thấy sắc không tức là không đế. Thấy sắc giả tức là hữu đế. Song chiếu tức là Đệ-nhất-nghĩa-đế. Ba thứ đó dựa theo giáo thì có năm: 1. Biệt nhập thông: Lấy huyễn sắc làm hữu; thấy không là chơn; phi hữu phi không là đệ nhất nghĩa. 2. Viên nhập thông: Ba đế giống trên, gia thêm nhất thiết pháp thú. 3. Biệt giáo: Lấy huyễn hữu tức không làm tục; lấy bất không làm chơn; bất hữu bất không làm trung đạo. 4. Trong viên nhập biệt: Gia thêm nhất thiết pháp thú. 5. Ba đế Viên giáo đều gọi là nhất thiết pháp thú.

Hỏi: Bồ-tát địa sao lại gọi là Phật nhãn?

Đáp: kinh Pháp Hoa nói: Khai Phật tri kiến; tức là sơ địa của Biệt giáo, sơ trụ của Viên giáo. Phát ba chủng trí là: 1. Chánh nhân lý tâm phát: Dùng trung đạo quán, để khai mở nhất thiết chủng chủng trí. 2. Liễu nhân trí tâm phát: Dùng tức không quán, để khai mở đạo chủng trí. Sơ địa còn đắc được, hưởng ulla là địa thứ chín. Đó chỉ là đắc từng phần,

chẳng phải là đắc đủ.

Từ câu: “Dùng đại nguyện lực...” là phần nói về sinh tịnh độ. Từ câu: “Vạn A tăng...” là phần nói về thời tiết nhập vị. Bạt già phạm, tiếng Hoa gọi là Thế Tôn.

Từ câu: “Lại tiếp nữa, quán Phật Bồ-tát...” là pháp sư thứ mười ba. Văn có bốn phần: 1. Nêu vị: Quán Phật Bồ-tát nghĩa là: Nêu khai mở diệu giác, thì đó là đẳng giác, còn gọi là Bồ-tát. Đạt đến địa này, bảo đảm là rốt ráo, nhưng đó vẫn chưa là cực; còn cần phải quán sát thêm nữa. Biệt Phật (Phật thuộc Biệt giáo) còn có ba mươi hai phẩm vô minh; trí còn cách xa với viên Phật (Phật thuộc Viên giáo), cho nên bảo là quán. Thông Phật (Phật thuộc Thông giáo) thì có bốn mươi hai phẩm vô minh; cái này thì còn cách xa hơn nữa! Từ câu: “Bậc trụ tịch diệt nhãn...” là phần hai, nói chứng thời phân. Văn có bốn phần: 1. Phối vị; nghĩa là tịch diệt nhãn thứ năm tự có hai phần riêng: Hạ và thượng. Ở đây địa thứ mười tức là tịch diệt nhãn hạ phẩm. Từ câu: “Từ bắt đầu phát tâm...” là phần hai, trải qua thời gian nhiều ít; đó là từ tập chủng tính đến quán đánh nhãn; phải trải qua trăm vạn A-tăng-kỳ kiếp. Từ câu: “Tu trăm vạn...” là phần biện về tu chứng. Từ câu: “Đẳng nhất thiết pháp...” là phần bốn, nói về đẳng vị. Hết thấy pháp giải thoát là chơn giải thoát. Kim cang đài tức là kim cang tam muội. Từ câu: “Thiền nam tử!...” là phần đối vị để biện về riêng biệt. Văn có năm phần: 1. Phục đoạn sai biệt; nghĩa là từ tập cho đến đánh tam muội, trước tiên là làm sáng tỏ về phục nhãn.

Từ câu: “Nhưng không có tướng, tín...” là nói về đoạn dứt. Diệt tất cả các phiền não tức là đại Niết-bàn. Sinh giải thoát tức là trí giải thoát. Chiếu tức là Bát-nhã. Đệ nhất nghĩa tức là ngôi vị pháp thân. Từ câu: “Không danh là kiến...” là phần hai: Tín và kiến khác nhau. Trước tiên là nói rõ về bất kiến. Cái gọi là kiến ấy là Tát-bà-nhã. Tiếp theo là nói về kiến. Từ câu: “Vì vậy, ta từ xưa đến nay ...” là phần dẫn chứng. Từ câu: “Chỉ có Phật là đốn giải...” là phần ba, nói về sự khác nhau giữa tiệm và đốn. Tuệ tuy khởi diệt...” là phần bốn nói về sự khác nhau giữa thường và vô thường. Vô sinh thì không có lụy nào là không vứt bỏ. Vô diệt thì không có đức nào là không viên mãn. Vô sinh thì đoạn đức. Vô diệt thì trí đức. Từ câu: “Nhập lý tận...” là phần năm, nói về sự khác nhau giữa đẳng và vô đẳng; trong văn pháp dụ hợp, đã rõ. Từ câu: “Thường tu tất cả...” là phần nói về nhập định vị. Trong đó, tất cả hạnh đầy đủ, trí tuệ đầy đủ; được gọi là công đức tạng. Bà già độ vị, tiếng Hoa gọi là Thế Tôn. “Cũng lại còn thường trụ Phật tuệ tam muội”;

nghĩa là: Tất cần phải ứng với nghĩa thọ, tu; cho nên bảo là cũng lại còn. Tại biệt thì lợi vật, cho nên bảo là thường trụ.

Từ câu: “Thiện nam tử! Như thị...” là chương lớn thứ ba, thán. Nói rõ về sự thí hóa không khác gì với Phật!

Từ câu: “Phật bảo vua Ba tư nặc...” là phần thứ hai; trao cho vua thọ trì. Văn có bốn phần:

1. Tán dụng khuyến trì.
2. Tán thán danh khuyến trì.
3. Giải thích nguyên do khuyến trì.
4. Đặt tên phó chúc.

Văn phần một có hai phần: 1. Lược thán. 2. Rộng thán. Phần lược thán lại có bốn phần: 1. Nêu diệt để khuyến trì. Từ câu: “Tất cả quốc độ...” là phần nói rõ về lực của Bát-nhã. Từ câu: “Do đó phó chúc...” là phần giải thích nguyên do phó chúc. Vì không có oai lực của một vị vua, cho nên không phó chúc. Từ câu: “Ông phải thọ trì...” là phần nói về việc trao riêng cho Nguyệt Quang. Từ câu: “Đại vương! Ta nay sở hóa...” là phần rộng khen khuyến trì. Văn có hai phần: 1. Trừ nạn phước sinh. 2. Hỏi đáp phân biệt. Ở đây là văn phần một đã rõ. Từ câu: “Bấy nạn là gì?...” là phần hỏi đáp phân biệt. Trước lại hỏi; đã rõ. Từ câu: “Nhật nguyệt thất độ...” là phần đáp. Bấy nạn là: 1. Nạn mặt trời mặt trăng mất điều độ là thời tiết thay đổi, tạo nhiều đói rét; số lượng biến đổi, có nhiều chiến tranh; sắc tướng thay đổi tạo nhiều dịch bệnh. Từ câu: “Nhị thập bát...” là nạn thứ hai: Nạn tinh tú mất điều độ. Từ câu: “Lửa lớn thiêu đốt quốc gia...” là nạn thứ ba: Hỏa tai. Từ câu: “Nước lớn nhận chìm...” là nạn thứ tư: Mưa lụt biến dị. “Gió lớn bão tố giết hại trăm họ...” là nạn thứ năm: Gió bão. “Thiên địa quốc thổ...” là nạn thứ sáu: Hạn hán. “Bốn phương giặc đến...” là nạn thứ bảy: Ác tặc; giặc giã. Như văn thì đã rõ.

Từ câu: “Đại vương! Bát-nhã này...” là phần thứ hai: Tán danh khuyến trì. Văn có hai phần: Trước tán danh thán, sau khuyến cúng dường. Trong phần đầu biện về ba Bát-nhã. Gốc của tâm thức; tức là thật tướng Bát-nhã. Cha mẹ của vua, tức là quán chiếu Bát-nhã; bởi nó có thể sinh ra tâm tuệ, giải cho vua. Sáu tên gọi tiếp ở dưới là văn tự Bát-nhã. Từ câu: “Phật bảo đại vương...” là phần khuyến cúng dường. Văn có hai phần: Trước là nói pháp cúng dường. Sau nói riêng về hành trụ cúng dường. Trong phần đầu, số chín là biểu thị cho nỗi khổ của chúng sanh. Phan là nêu lên hiển hạnh đặc thắng. Bên trong chín khổ kiến lập giải thoát thắng phan. Hoa chín màu là biểu thị chín khổ chúng

sanh thực hành nhân Bát-nhã. Xanh, vàng, đỏ, trắng, đen là hoa năm trần. Đất, nước lửa, gió là hoa bốn đại. Hai tướng là biểu thị cho hai đế. Mười đèn là biểu thị cho công đức thập thiện; mỗi một công đức đều lần lượt dùng Bát-nhã nuôi dưỡng dần dần để thành ngàn trí tuệ. Cao năm trước soi rõ năm đạo. Chín rương ngọc là tiêu biểu cho chín khổ cư ở thanh tịnh là pháp khí. Chín khăn ngọc là tiêu biểu cho chín khổ cư ở chúng sanh đắc được khăn Bát-nhã. “Lấy kinh đặt lên trên; về văn tự có thể khiến thật lý hiển bày. Bảy báu; là tiêu biểu cho bảy phương tiện người; đều là nhân báu. Từ câu: “Nếu khi vua đi...” là phần nói riêng về đi, đứng cúng dường. Trước là nói về đi cúng dường. Từ câu: “Nếu khi vua đứng...” là nói về đứng cúng dường. Từ câu: “Đại vương! Ta nay năm nhân...” là phần giải thích nguyên do khuyến trì. Văn có hai phần: 1. Nói về phước của vua đã hết. Văn đã rõ. Từ câu: “Đại vương! Nếu đời vị lai...” là phần hai; nói về lợi ích đời vị lai. Văn có ba phần: 1. Nêu con số; văn đã rõ. Từ câu: “Nhất kim cang hống Bồ-tát...” là phần hai giải thích riêng biệt; văn đã rõ. Từ câu: “Năm đại sĩ đó...” là phần kết giải thích. Từ câu: “Đại vương! Ta nay đem tam bảo...” là phần bốn: Xưng tên, phó chúc. Văn có ba: 1. Nói chung về phó chúc. Văn đã rõ. Từ câu: “Nước Kiều tát la...” là phần xưng danh. Từ câu: “Như vậy, tất cả...” là phần kết khuyến. Từ câu: “Thời các đại chúng ...” là phần nói về thời chúng đắc ích. Văn có năm phần: 1. Tu la ích. Từ câu: “Thời mười sáu đại Quốc vương...” là phần hai: Nhân vương ích. Trong phần ích, đầu tiên nói về tám thắng xứ; đất, nước, lửa, gió là bốn đại năng tạo. Xanh, vàng, đỏ, trắng là sở tạo. Xuất ly tham dục, cho nên gọi là thắng xuất. Từ câu: “Bốn đại...” là phần tiếp theo nói về mười nhất thiết xứ: Đất, nước, lửa, gió, xanh, vàng, đỏ, trắng, không xứ, thức xứ, thức xứ. Bởi những Duyên giác rộng lớn, không có xứ nào là không nhập. Ba mươi nhân là phương tiện của sơ địa; gọi là tướng của sơ địa. Đệ-nhất-nghĩa-đế tức là sơ địa. Sơ địa là tướng của chín địa; cho nên Nhiếp Luận tụng rằng: Như tre đã chẻ đốt thứ nhất, thì các đốt khác cũng mau chóng được nứt ra. Đắc được chơn trí của sơ địa, thì các địa khác cũng sẽ mau thành. Xả thân xác phàm, đắc thân sáu trụ. Xả bỏ báo thân phân đoạn địa thứ bảy, đắc pháp thân biến dịch địa thứ tám; cho nên Trí Luận nói: Địa thứ bảy xả bỏ sinh thân, nhục thân; đó là ích của Thông giáo. Từ câu: “Mười tám phạm thiên...” là phần nói về thiên ích. Tu la và thiên đều cùng được ích. Hoa không; là tiêu biểu cho nhân không. Hoa pháp tính là tiêu biểu cho pháp không; đó là hiển bày về phục nhân. Hoa thánh nhân là biểu thị cho tín nhân. Hoa thuận là biểu thị cho thuận

nhẫn. Hoa vô sinh là biểu thị cho vô sinh nhẫn. Tứ biện tự tại thuyết pháp tức là hoa pháp lạc, là hạ phẩm tịch diệt nhẫn. Kim cang tam muội có thể đoạn dứt kết sử, tức thượng phẩm tịch diệt nhẫn. Từ câu: “Tất cả chúng còn lại...” là phần nêu đại chúng ích. Hoa tâm không; nghĩa là định ở trong tam học gọi là tâm học. Hoa cây tâm; nghĩa là quán mười hai nhân duyên sinh. Hoa lục độ là thập địa hạnh. Hoa diệu giác là quả hạnh. Từ câu: “Mười ngàn Bồ-tát...” là phần gọi tên Bồ-tát. Văn có hai phần: Trước nói rõ về mười ngàn ích; văn đã rõ. Từ câu: “Lại còn mười ức...” là nói về cái ích của sự thành Phật; trong đó thành Phật thuộc Biệt giáo.

-----



## PHẨM THỨ TÁM: CHÚC LŨY.

Đây là chương lớn thứ ba. Phần lưu thông.

Chúc nghĩa là phó chúc, dặn dò, trao gửi. Lũy nghĩa là dựa vào, đem pháp này trao gửi cho Quốc vương. Dựa vào sự tuyên diễn đó; cho nên bảo là chúc lũy phẩm. Vả lại, trao gửi dặn dò Quốc vương; nếu gặp tai nạn dựa vào đó mà cứu độ; cho nên bảo là chúc lũy. Lại nữa, trao gửi kinh này, khiến cho lưu hành trong nhiều đời, cho nên bảo là phẩm chúc lũy.

Hỏi: Sao không như kinh đại phẩm thì trao gửi cho Thanh văn; kinh Pháp Hoa thì trao gửi cho Bồ-tát; mà lại trao gửi cho Quốc vương?

Đáp: Đó là Phật, tùy theo bệnh mà cho thuốc. Vì Quốc vương có tai ách, hoàng tuyên thì được ích lợi; cho nên mới trao gửi cho Quốc vương. Lại nữa, trăm việc đại cúng dường rộng lớn, nếu chẳng phải là sức vua, thì ai có thể làm nổi! Vì vậy mà chúc lũy. Lại nữa, vua nếu đã không tin pháp, thì không hành; pháp được hành là ở tại vua; cho nên trao cho vậy.

Từ câu: “Phật bảo vua Ba tư nặc...”. Văn có hai phần: Trước là phó chúc răn bảo. Sau nương theo giáo mà phụng hành. Trong phần trước lại có hai: Trước là lược nói về phó chúc. Giới; nghĩa là răn bảo, khuyên bảo. Sắc; nghĩa dạy bảo. Từ câu: “Sau khi Ta diệt độ...” là phần hai; rộng nói về phó chúc răn bảo. Văn phần đầu lại có hai phần: 1. Nói rõ về trao gửi. 2. Nói rõ về dạy bảo. Phần một lại có hai phần: 1. Thời trao. 2. Phần chánh nói về trao pháp cho người. Ở đây là phần một. “Tám mươi năm” nghĩa là: Nội trong trăm năm, sau khi Phật đi; năm người trụ trì: 1. Ca-diếp. 2. A-nan. 3. Mạt-điền-địa. Ba người đã thấy Phật tại thế, cùng tiếp tục nhau mà trụ trì. Trải qua sáu mươi năm pháp hành không diệt; tiếp đó là Thương na hòa tu, Ưu bà quật đa hai người đó không thấy Phật; tiếp nối trụ trì. Trải qua bốn mươi năm, oai nghi pháp diệt. Vì vậy mà ở thời đó, nói là không có Phật - pháp - tăng! Nói “tám trăm năm” là nội trong những năm chánh pháp, hai mươi tư trụ trì Phật pháp, đều là thánh nhân, pháp không bị diệt. Năm thứ sáu trăm: Mã Minh Bồ-tát. Năm thứ bảy trăm: Long Thọ Bồ-tát, đều là Bồ-tát, pháp cũng không bị diệt. Trong khoảng năm thứ tám trăm, Tà tông cửa kỳ thịnh! Vì vậy mà trong khoảng thời gian đó, trao gửi cho Quốc vương; là Đề bà Bồ-tát, Thanh vương đánh trống pháp.

Tám ngàn năm là thời Tượng pháp Tận Mạt pháp. Chúng sanh tin tà, cho nên pháp diệt. Từ câu: “Tam bảo kinh này...” là phần hai;

trao người, pháp; phần này lại có hai: 1. Trao pháp; văn đã rõ. Từ câu: “Vì chúng sanh ba cõi...” là phần hai trao cho người. Nay dạy ba hạnh: 1. Không hạnh. 2. Thất hiền hạnh. 3. Thập thiện hạnh. Không tức là Thánh hạnh. Thất hiền tức là bảy phương tiện. Thập thiện tức là phàm hạnh; từ câu chí cặn! Từ câu: “Đời năm trước sau này...” là phần thứ hai, rộng biện về bảy điều răn bảo. Văn có bảy phần: 1. Răn dạy về các lỗi lầm của diệt pháp. 2. Trừng giới phá hoại hạnh của bốn chúng. 3. Giới cấm không nương vào pháp. 4. Tự hủy. 5. Bị sai khiến. 6. Tự đáp. 7. Lầm tén. Ở đây là phần một: Điều răn thứ nhất là các lỗi lầm diệt pháp. Văn có ba phần: 1. Nói về người diệt pháp. 2. Biện về lỗi diệt pháp. 3. Kết; thành lỗi. Trong phần một Văn có hai phần: 1. Đầu tiên nói về thời diệt pháp; tức là thời năm trọc: 1. Mệnh trọc. 2. Kiếp trọc. 3. Phiền não trọc. 4. Kiến trọc. 5. Chúng sanh trọc. Kinh văn thù vốn có nói: Chúng sanh mười tuổi cho đến ngàn tuổi, có sự dài, ngắn; thành ra là mệnh trọc! Đói rách, bệnh tật, chiến tranh là kiếp trọc! Có nhiều tham sân si là phiền não trọc! Tà kiến, giới thủ, kiến thủ, biên kiến là kiến trọc! Bất kiến, bất nghĩa, chê cười sư trưởng... là chúng sanh trọc! Từ câu: “Tỳ khưu ...” là phần nói về người diệt pháp.

Từ câu: “Minh tác chế pháp...” là phần biện về lỗi diệt pháp. Trong văn có hai phần: 1. Nói về việc chế bốn chánh. 2. Làm sáng tỏ việc lập bốn tà. Chế bốn chánh là: 1. Không nghe xuất gia. 2. Không nghe hành đạo. 3. Không nghe tạo tượng. 4. Không nghe tạo tháp. Lập bốn tà là: 1. Lập thống chế chúng. 2. Tỳ khưu địa, lập bạch y cao tòa. 3. Tỳ khưu làm lính tráng. 4. Thọ nhận sự mời riêng. Từ câu: “Nên biết bấy giờ...” là phần ba: Kết những lỗi lầm. Từ câu: “Đại vương! Phá hoại, làm loạn đạo ta...” là phần hai, phá hoại hạnh của bốn chúng! Làm vua mà không hành chánh pháp thì Phật đạo bị phá hoại! Từ câu: “Đại vương! Khi đời Mạt pháp...” là phần nói về giới cấm bất y pháp. Từ câu: “Đại vương! Sau khi Ta diệt độ...” là phần bốn: Giới tự hủy. Văn có ba phần: 1. Tự hủy. 2. Khởi ác. 3. Chiêu cảm quả báo. Văn phần đầu có hai phần: Trước là pháp, sau là dụ. Văn phần đầu thì đã rõ. Từ câu: “Như thân sư tử...” là nói về dụ. Dụ đó, theo như kinh Liên Hoa Diện: “Phật bảo A-nan: Thí như sư tử mạng chung; thân nó chết ở trên không trung, ở trong đất, trong nước, trên đất liền; chúng sanh đều không dám ăn thịt của nó; mà chỉ có các loài trùng sanh ra từ thân sư tử lại ăn thịt sư tử! A-nan! Trong pháp của Ta, chẳng có ai khác phá hoại, mà chính các Tỳ khưu phá hoại pháp ta trong ba đại A-tăng-kỳ”. Kinh kia chỉ dụ cho người xuất gia. Kinh này thì dụ cho cả đạo và tục. Từ câu: “Những

---

người phá hoại Phật pháp Ta...” là phần hai: Khởi ác. Từ câu: “Người hoại Phật giáo...” là phần chiêu cảm quả báo. Trong văn có bốn ý: 1. Bày tỏ cái tốt, không hoại chánh pháp; gọi là Lưu. Khai mở đạo pháp không, gọi là Thông. Có thể chứa được pháp và trí gọi là Khí. Từ câu: “Các ác Tỳ khưu...” phần hai bày tỏ cái ác xấu. Từ câu: “Vua đó không phân biệt rõ ràng...” là phần nói về tin lầm. Từ câu: “Đó là phá Phật...” là phần bốn, chỉ ra sự sai lầm.

Từ câu: “Bấy giờ, mười sáu Quốc vương...” là phần thứ hai, nói về đại chúng phụng trì. Văn có hai phần: Trước là phụng trì; sau là phụng hành. Văn phần đầu: Trước là thương cảm, sau là tham tiếc. Văn phần đầu lại có hai phần: Trước là phần nói rõ thương cảm. Từ câu: “Thời, các Quốc vương...” là phần sau, nói về thọ trì. Từ câu: “Bấy giờ, đại chúng...” là phần tham tiếc; thương cho thời đó vậy! Từ câu: “Bấy giờ, trong vô lượng đại chúng ...” là phần phụng hành. Văn có năm phần: Một là liệt kê. Từ câu “Đại chúng đã nghe những gì Phật nói...” là phần hai; nói rõ việc đã nghe pháp của Phật. Từ câu: “Hoan hỷ vô lượng nghĩa là...” là phần ba; nói về Hoan hỷ. Từ câu: “Vì Phật mà tác lễ...” là phần bốn; nói về việc lễ Phật. Từ câu: “Thọ trì Bát-nhã Ba-la-mật...” là phần năm, phần nói về phụng hành.

